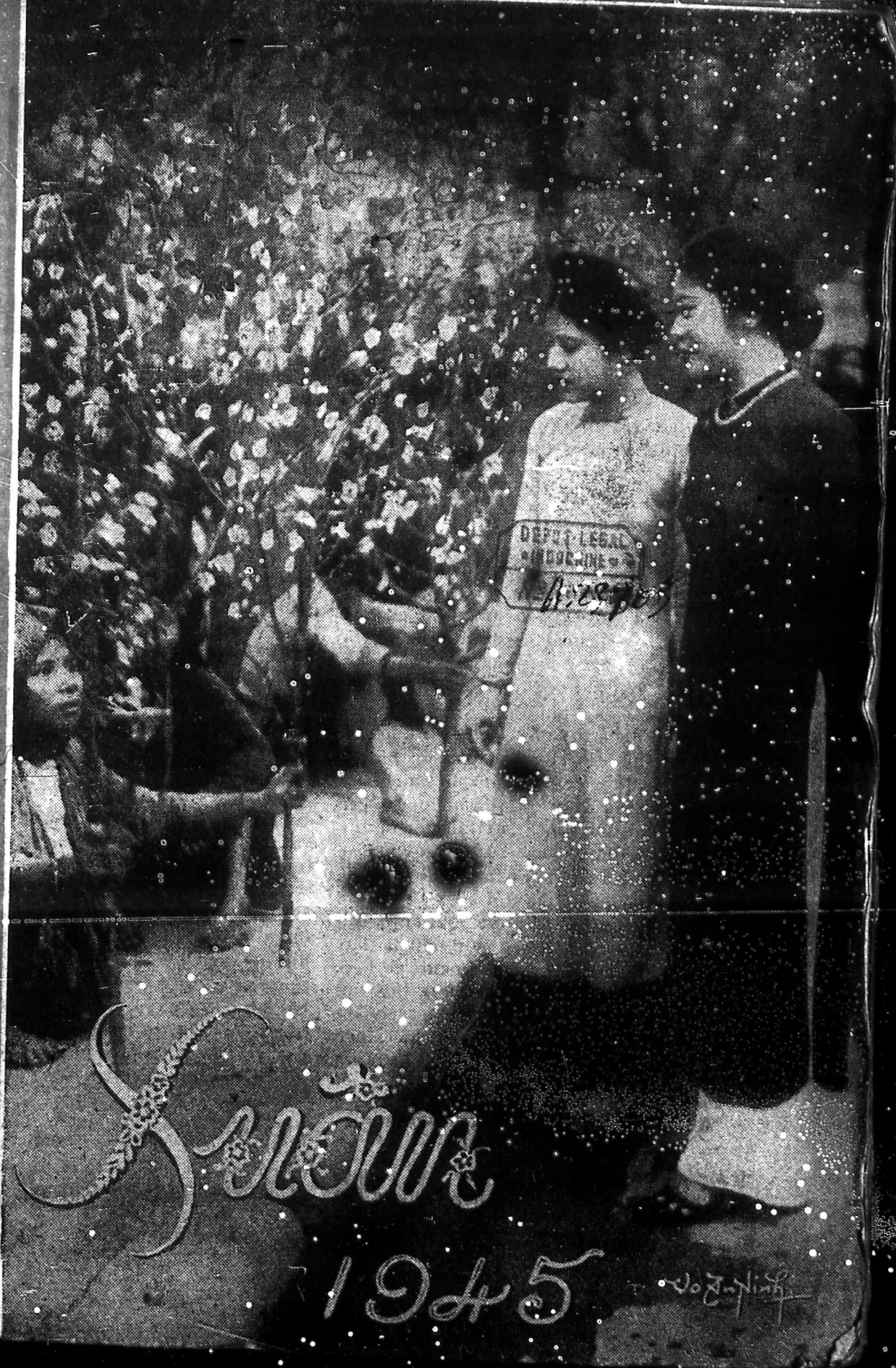


LA IZ CIO O A D O Z C O I

SÔ 239
4 FÉVRIER 45
GIA 2\$50



Sioux

1945

no 28 703

SANG NĂM ẤT-DẬU...

HỒNG-LAM

Chiến-tranh đã bước sang năm thứ sáu từ mấy tháng nay. Tình hình năm Thân này, chiến-tranh đã kéo dài tới 65 tháng. Trong suốt

thời-gian 65 tháng đó và chưa biết còn bao nhiêu ngày tháng nữa về sau này, cả nhân-loại đã sống trong cảnh chiến-tranh tàn khốc, ghê gớm và luôn luôn hồi hộp, lo sợ về những điều trông thấy, nghe thấy. Cũng trong thời-gian đó, tất cả các lực lượng của nhân-loại từ tinh thần sáng chế, quan sát đến sự cố gắng tổ chức có phương-pháp, sự dùng các giá trị về luân-lý và mọi sự hi-sinh đều quay về một mục đích duy nhất: chiến tranh. Cả hai bên đối thủ, đều cố gắng để có đủ những điều kiện cần dùng cho việc giữ thi nhiệm đối với dân chúng. Sự cố gắng đó đã lan rộng từ các quân đội chiến đấu ngoài mặt trận, đến những thợ thuyền đứng trong các xưởng máy và các cơ quan trông coi việc hành động của chính phủ. Vì sự cố gắng đó mà đời sống trong các nước tham chiến và các nước phải chịu ảnh hưởng chiến tranh một cách gián tiếp đã thay đổi hẳn. Đó là một đời sống lộn xộn, eo hẹp. Người ta chỉ cốt sao có đủ những thứ cần thiết cần cho sự sống. Đời sống của cả nhân-loại hiện nay là một đời sống đặc biệt, theo những tập quán riêng do tình thế chiến tranh đã gây nên.

Chiến-tranh với sự tiến-hóa của loài người

Cuộc chiến-tranh từ 1939 đến nay là một cuộc chiến-tranh toàn-thế. Không những các

tương sĩ ngoài mặt trận phải hết lòng chiến đấu và chịu cái cảnh mưu sống xương máu, mà dân chúng ở phía sau trận tuyến trong các xưởng máy, các thành-phố và cả ở nơi đồng ruộng cũng phải chung chịu một số phận đó. Những người có trách-nhiệm về việc điều khiển chiến-tranh ngày nay phải loí dụng triệt-để toàn thể lực lượng trong nước để đối phó với bên địch.

Ảnh-hưởng tất nhiên của cuộc chiến tranh này là nhiều nước đã phải thi-hành những cuộc cải-cách về xã-hội và những phương-pháp hành-chính cũng kinh-tế khiến hầu hết các quyền hành đều tập trung vào chính-phủ. Việc đó là việc hiển-nhiên trong các nước tham chiến.

Cuộc chiến tranh toàn thế này lại có ảnh-hưởng rất lớn đến đời sống các nước tham chiến như trên đã nói. Những ảnh-hưởng do cuộc tổng-động viên lực lượng trong nước gây nên rất nhiều không sao kể hết được. Vì toàn quốc phải tham dự chiến-tranh và cùng chịu sự nguy-hiểm về chiến-tranh nên đã gây nên một vấn-đề tương lai rất phiền phức. Từ xưa đến nay, cuộc chiến-tranh nào cũng kết liễu bằng một bản hòa-uớc và một cuộc tổng bãi binh. Cuộc bãi binh sau cuộc thế-giới đại chiến này sẽ khác hẳn những cuộc bãi binh sau các cuộc chiến-tranh từ trước đến nay.

Đến lúc bãi binh đó người ta phải nghĩ đến cách tổ chức xã-hội và tổ chức lao-động ngay mai, người ta phải nghĩ đến cách dùng hết hàng mấy mươi triệu thanh niên đã phải gọi ra lính trong lúc đến tuổi trưởng thành. Những thanh-niên đó đã phải sống mấy năm đẹp để nuôi đời mình ở ngoài mặt trận dưới làn mưa bom đạn và luôn luôn phải chịu những sự hiểm nghèo về chiến-tranh. Người ta phải nghĩ đến cách sống của hàng mấy mươi triệu thanh-niên đó trước kia họ từ giữ mặt trận về nhà. Người ta lại phải nghĩ cách nuôi sống hàng triệu người bị thương vì chiến-tranh không thể từ kiểm tra mà nuôi sống thân và gia-đình.

Trong thời-kỳ chiến-tranh, óc sáng chế đã làm việc nhiều. Các nước tham chiến đã luôn luôn nghĩ đến cuộc chiến tranh xuất sản, nghĩa là nghĩ đến cách làm tăng gia sản xuất của các xưởng kỹ-nghệ trong nước. Tất cả các nhà máy đều chuyển sản xuất các thứ khí giới, chiến-cụ tối tân để giúp nước nhà đi đến chỗ đắc thắng.

Người ta luôn luôn nghĩ đến việc chế tạo các thứ chiến-cụ ngày một thêm tinh xảo. Đến lúc chiến-tranh đã kết liễu, các nhà máy và hàng triệu thợ thuyền đã làm việc cho chiến-tranh sẽ dùng để làm gì? Các nhà sáng chế, các kỹ-sư phải tìm cách thay đổi các kỹ-nghệ chiến-tranh thành những kỹ-nghệ thái-bình. Như thế đầu đến đầu dinh hễ. óc sáng chế vẫn không được nghỉ, các nhà sáng chế phải tiếp tục công việc để thay đổi một cách hoàn toàn cuộc tổng-động viên về chiến-tranh thành một cuộc tổng-động-viên hòa-bình. Chỉ có phương-pháp đó là phương-pháp độc nhất để nối liền hai thời-kỳ chiến-tranh và hòa-bình.

Cuộc chiến-tranh nào cũng đưa loài người đến một trình độ tiến hóa cao hơn, cũng giúp cho cuộc tiến bộ cả.

Cuộc chiến-tranh càng kéo dài, càng thảm khốc, thì sự tiến bộ của loài người càng cao hơn. Trong cuộc chiến tranh từ 1939 đến nay, óc sáng-chế của loài người đã làm việc khá nhiều, nhờ óc sáng-chế đó mà các nước tham chiến đã có được những thứ khí giới tối tân

càng ngày càng tinh xảo thêm, nhờ óc sáng-chế đó mà trong suốt thời kỳ chiến tranh người ta đã tránh được bao nhiêu sự thiếu thốn.

Ví-dụ như nước Đức Đức đã dự bị chiến tranh và việc dùng lực lượng trong nước một cách kỹ lưỡng từ lâu. Lúc đầu Đức dự bị một chương trình động viên hợp tác với Nga, nhưng đến 1941 thì các nhà cầm quyền Đức biết rõ là không thể đi đối với Nga nữa nên Đức lại phải dự bị một chương trình chiến tranh với Nga. Cuộc chiến tranh này, Đức tưởng có thể kết liễu trong mấy tháng nhưng sau mới biết rằng lâu. Cuối năm 1942, Nga đã tập được lực lượng đầy đủ và bắt đầu khởi cuộc tấn-công. Đức hiểu rõ rằng cách tổ-chức về quân-sự và kỹ-nghệ trong nước không hợp với tình thế nữa. Đồng thời quân Mỹ lại xuất hiện ở miền Địa-trung-hải, Đức phải đối phó cả hai mặt nên việc tổ chức lại lực lượng lại cần hơn nữa.

Vì thế từ mùa hè 1942, Đức đã thi-hành một chương-trình chuyển chính lực lượng và tăng gia sự xuất sản tro g nước. Cũng như Nga Xô-viet Đức đã động viên toàn thể lực lượng dân chúng. Việc này rất quan hệ về chính-trị vì tất cả những người Đức làm việc ở hậu tuyến đều đưa ra mặt trận và thay vào bởi phụ-nữ Đức và nhân-công ngoại-quốc (tù-binh). Thế là cả nước Đức phải sống trong những trường hợp đặc biệt. Thi hành một chương trình động-viên như thế phải ít nhất 10 tháng mới xong. Từ đó, bộ máy kỹ-nghệ Đức đã hết sức làm việc và phần lớn nhất số dân trong nước đã sung vào quân đội.

Đồng thời các nước đồng-minh dân-chủ cũng thi hành chương-trình động-viên toàn thể lực lượng. Khắp các nơi chỉ thấy toàn là những kỹ-nghệ chế tạo chiến-tranh, cung cấp lương thực về chiến-tranh và kêu gọi toàn thể dân chúng có thể ra lính sung vào quân ngũ. Người ta đã phải đình hoãn các việc dự bị thi hành về thời-kỳ thế nhất sau cuộc chiến-tranh để có thể hơn lực lượng trong thời-kỳ quyết liệt.

Thời-kỳ chiến-tranh quyết-liệt

Thời-kỳ quyết-liệt đã bắt đầu từ cuối năm thứ tư sang đầu năm chiến-tranh thứ năm. Trong năm vừa qua, các nước tham-chiến đã tăng gia lực lượng và ở trong một tình-thế cực kỳ căng cả về tinh-thần lẫn vật-chất. Ai cũng cảm thấy là chiến-tranh đã đến lúc quyết liệt tức là hồi dữ dội, kịch liệt nhất để đi đến thời-kỳ kết liễu. Số dĩ cả hai bên đều ở trong tình-thế rất căng là vì chiến-cục đã thay đổi hẳn. Các nước đồng-minh Anh, Mỹ, Nga trước kia đứng thế thủ ous bắt đầu khởi thế công từ cuối 1942 và đầu năm 1943. Ở mặt trận phía Đông, Hồng quân đã dần dần đánh lui được quân Đức ra khỏi địa-phần mình bằng cách dùng nhiều quân lính chiến-cụ hơn bên địch. Đến mùa hè 1944 vừa qua, Hồng quân không những đã khắc phục được đất đai trong nước mà còn tiến được vào đất Ba-lan, đất Lỗ, đất Áo, Hung. Nam-tư và Tiệp-khắc. Ở mặt trận Địa-trung-hải và mặt trận Tây Âu, các cuộc hành binh của Anh, Mỹ ngày một quan trọng hơn. Sau khi chiếm xong Bắc Phi, quân Anh, Mỹ đã bắt đầu tiến vào Âu-lục bằng cách đổ bộ lên đất Ý rồi cuối cùng lên đất Pháp, Bỉ và Hà-lan. Mặt trận thứ hai mà Nga đã bao nhiêu lần yêu-cầu đã lập được. Hiện nay thì quân đồng-minh đã lấy lại được gần hết đất Ý, Pháp, Bỉ, Hà-lan và quân Đức tuy còn khá mạnh, nhưng đã đổi từ thế công sang thế thủ. Đức hiện nay bị vây ở ba, bốn mặt: mặt Đôn-phô, mặt Ba-lan, mặt Tiệp-khắc, Nam-tư, Hung và Ý và mặt Tây-Âu.

Thời-kỳ chiến-tranh dữ dội nhất ở các mặt trận Đông và Tây-Âu đã bắt đầu từ mùa hè 1944. Đất Đức hiện nay bị xâm lăng rất ít nhưng Đức phải đem hết lực lượng trừ bị trong nước để dùng vào việc phòng thủ đất nước nhà.

Từ khi chính phủ Ý phản thủ - tướng Mussolini hàng Anh, Mỹ thì tình-thế Đức càng ngày càng khó khăn. Ở Âu-châu hiện nay, một mình Đức phải chống với ba nước mạnh là Nga, Anh và Mỹ được các nước đồng minh khác như Pháp, Nam-tư, Hi-lạp, Ba-lan giúp sức. Quân đồng-minh tuy thắng

nhưng Đức vẫn còn cầm-cự được dai dẳng và lực lượng Đức xem ra còn rất hùng hậu. Đức lại có thêm nhiều thứ chiến-cụ tối tân ghê gớm nên tình-thế chiến-tranh bước sang đầu năm thứ sáu (1945) vẫn chưa ngã ngũ ra sao và chưa ai có thể nói chắc là bên nào sẽ nắm phần thắng lợi cuối cùng.

Nói tóm lại, trong năm chiến-tranh thứ năm và đầu năm chiến-tranh thứ sáu này, các nước tham-chiến đã đem hết lực lượng ra mặt trận. Thời-kỳ hiện nay là thời-kỳ chiến-tranh gay go nhất, có lẽ đó là thời-kỳ cuối cùng trước khi ta trông thấy cuộc thế-giới đại-chiến này kết liễu. Thời-kỳ chiến-tranh hiện nay có thể so sánh với thời-kỳ mùa hè 1918 trong cuộc Âu-chiến trước. Nhưng ngày nay ngay các nhà cầm quyền Anh cũng phải tuyên bố là không thể mong vào một cuộc nội-loạn trong nước Đức để làm cho chiến-tranh chóng kết liễu hơn.

Tình-hình Âu-châu và thế-giới ngày nay

Chiến-tranh càng kéo dài thì các sự tàn phá càng ghê gớm lớn lao hơn. Bước sang năm chiến-tranh thứ sáu này ta đã thấy một phần lớn Âu-châu — phần thịnh-vượng và văn-minh nhất trên thế-giới — đã bị tàn phá. Trong hơn năm năm vừa qua biết bao nhiêu sinh-mệnh của cái đã bị tàn ra gò trên gần khắp Âu-châu và một phần lớn Á-đông. Cứ xem những con số sau đây trong cuốn *Bach-thư* mà bộ tuyên-truyền Anh vừa cho xuất bản thì đủ rõ sự thiệt hại ghê gớm về chiến-tranh. Ở Anh, hiện nhà cửa bị tàn phá về các cuộc ném bom và các thứ bom tự động V1 và V2 của Đức có tới 4 triệu rưỡi chiếc, nghĩa là một phần ba số nhà cửa ở Anh. Còn số người bị thiệt mạng về bom thì trong ba người chết về chiến-tranh thì một người chết trong xứ. Muốn xây dựng lại số nhà cửa bị tàn phá đó, ít nhất phải mười năm sau khi chiến-tranh kết liễu.

Riêng nước Anh là một nước đất hẹp mà còn bị thiệt hại như thế, không biết sự thiệt hại ở Pháp, ở Ý, ở Đức, ở Nga và khắp các nước Âu-châu và Đông-Á còn ghê gớm như thế nào!

(Xem tiếp trang 39)

ĐỀ
CHUYÊN
NGHIỆM

CÁ
NĂM

KHI-TU'ONG-HOC CỦA TIEN-NHAN TA

ĐÀO-TRINH-NHẬT

khí-tượng. Người ta dùng mắt trần, óc khôn, hoặc lấy cơ khi để đo lường xem xét những hiện-tượng ấy cho biết dữ lành lợi hại thế nào, tức là khi-tượng-học.

Khi-tượng đã có nhiều yếu-tố như thế, lại đối với các cuộc sinh-tồn động-tác của loài người, bất cứ về phương-diện nào, sự nghiệp gì cũng có vang bóng quan-hệ, không trực-tiếp thì gián-tiếp. Thái thế, dù một đám mây biến sắc, một cơn gió xoay chiều ta chớ làm nghĩ không ăn thua dinh-dưỡng đến đời sống của ta. Nay, lớn từ việc quốc-phong, việc dân-sinh, nhỏ đến sự an-ninh của xã-hội, cuộc sống trong dân-gian, nhất nhất chịu khi-tượng chi-phối và nhờ khoa học khi-tượng mà được giúp đỡ tránh hại không phải là ít. Từ các công-ty giao-thông, vận-tải, bưu-chính, khai-khẩn, cho tới mọi nghề chân-muội, giồng giọt, cây bừa, kỹ-nghệ, bán buôn, không một thứ kinh doanh, một sự hoạt động nào của con người ta có thể làm mất đi được với khi-tượng và những biến-thái ở trong bầu trời.

Bởi thế, khắp các nước ngày nay, những cơ-quan gọi là Quan-trọng-dại, là Khi-tượng-trắc-nghiệm-sở, hay là Thiên-văn-dại như chúng ta quen gọi không phải

Thoạt nhìn đầu bài, tất có độc-giả tưởng người viết bài muốn nói chuyện tiên-tri về thế-giới chiến-tranh hay là bài toán thời-cuộc xoay đối-thế nào đây chăng?

Không, chúng tôi không muốn làm nhà chiến-lược trong quán cà-phê, lại cũng không thể phiếm-luận thời-cuộc trong lều này. Chủ-ý là muốn nhân dịp năm mới, nhắc lại đôi chút khoa-học xem xét khi-tượng của tiên-nhân ta, nhất là về mặt nông-tang súc-mục, trước để cho biết ông bà ngày xưa không phải không có khi-tượng học, sau để cùng nhau chiêm-ngẫm thú xem.

Trước hết, khi-tượng là gì?

Phàm những hiện-tượng ở trong bầu không-khi bao la trời đất, mà chúng ta có thể thấy được, nghe được, cảm-giác được, đo lường được, đại-khái có những yếu-tố như khí nóng, khí lạnh, cơn nắng cơn mưa, tiếng sấm tiếng sét, cho đến sắc mây đen vàng, sức gió mau chậm, cùng là các thứ hình trạng do khí trời phát ra, ấy là

biệt, dựng lên như năm mốc. Người ta rèn tập những nhân-tài chuyên-môn, chế tạo những cơ-khi tối tân, cốt để xem xét khi-tượng thật tinh, thật đúng, cho cả dân-sinh quốc-phong và các sự-nghiệp trong xã-hội cũng được hưởng-thu lợi-ích.

Vì dụ đoàn pháo-dài bay đã định khiêng hàng tấn bom đi dội xuống nơi nào, hoặc một chiếc phi-cơ vận-tải sắp sửa cất cánh lên không, nếu được tin của Quan-tượng-dài báo cho biết sẽ có giông tố bão lớn trên đường mình đi, thì tất phải đình cuộc phi-hành q/a một giờ khác, không dám mạo-hiêm; nhờ đó mà tránh được tai nạn thiệt người hại của vô ích. Cũng như một đoàn ghe chài hũy hoãn nhờ neo kéo buồm, vì biết sắp có cuồng-phong ngoài bể; nhà canh-nông hiểu rõ khi-tượng, chắc không khi nào gieo trồng, liều-lĩnh để cho mất vốn uổng công. Ấy công việc xem xét khi-tượng có ích cho người ta đa khái là thế.

Nhưng chẳng phải đến nay người ta mới biết xem xét khi-tượng và hiểu chỗ lợi hại của nó đâu. Kỳ thật, khi-tượng học đã có lại lịch thâm-niên lắm rồi. ở phương đông ta hay ở phương tây cũng vậy.

■ ■

Phương tây, bốn năm thế-kỷ trước Thiên-chúa kỷ-nguyên, đã có nhiều nhà học-thức lỗi lạc về môn khi-tượng, gia công tìm tòi xem xét, trứ-thu lập-niên, để lại những cái nguyên-tắc dù đến nay vẫn còn giá-trị.

Khoa học này, phương đông ta còn sớm hơn nữa.

Trung-quốc và các quốc-gia ở miền Đông-á, nguyên xưa lấy nông-nghiệp dựng nước, cây bừa trồng lúa là căn bản dân-sinh, các bậc đế vương thành-hiến đắp đê đê vẫn xem việc « trị lịch minh thời 治曆明時 » làm nhiệm-vụ tối trọng, cốt để giúp dân biết khi hậu sớm muộn, quý tiết dôi thay, cho việc canh-nông khỏi lầm-lỗi thời-co,

thu được mùa màng chắc chắn. Vì thế, khi-tượng-học này nở sớm lắm. Nghê-thu bát khánh-văn, Thuấn đặt toàn-co, Thi-kinh có chương Mân-phong, Lễ-ký có thiên Nguyệt-lệnh, đều là những tác-phẩm quan-hệ về khi-tượng-học mà phương đông tự phụ được rằng có sớm hơn người.

Rất đời có người thông-trình như Sư-Khoảng đời Xuân-thu, có thể chiêm-nghiệm khi-hậu bằng tiếng âm-nhạc. Từ nhỏ, ông học âm-nhạc, bực tức vì không được chuyên, tự nghĩ rằng « nghề mà chẳng tinh là vì tâm đề nhiều nơi; tâm mà bài nhất, là vì mắt thấy nhiều sự », thế rồi ông hun mắt cho dui mù đi, hầu được chuyên tâm học nhạc, đến sau có thể « ý » tiếng đàn mà đoán biết khi-hậu biến-đổi không sai.

Mặc dầu khi-tượng-học phương đông mở trước thiên-hạ và có những tác-phẩm như Nguyệt-lệnh, Mân-phong, có nhắc-tại là lòng như Sư-Khoảng, mà đến nay sách-lại phương tây, chỗ thua kém xa cách nhau gần như trời vực, là tại làm sao?

Thiết tưởng không vì lẽ gì khác hơn là tinh-chất người phương đông mình, chỉ thích hòa-bình tồn-cộ; phạm một việc gì đã tìm ra được đôi chút, đã cho là đủ dùng rồi, cứ lấy thành-kiến và kinh-nghiệm mà theo, chẳng muốn bện rộn trí-khôn suy cứu cho mới lạ tấn tới hơn nữa. Thành ra, không những về khi-tượng-học, còn nhiều trí thức khác, tuy mình có tiếng phát-minh lợi-dụng từ những đời nào, mà rất cuộc phải theo chân học lại thiên-hạ không xong.

■ ■

Khi-tượng-học của các cụ ta ngày xưa cũng là nhân vào thành-kiến và những sự kinh-nghiệm lâu đời, chứ không có phương pháp nghiên-cứu hay là nguyên-tắc khoa-học nào cả.

Đời họ đời kia khẩu-thu tâm-truyền, chỉ chiêm-nghiệm thời tiết mùa màng phần

nhiều ở quyền lịch, câu vè, và những sách xưa để lại, nhất là Ngọc-hạp quảng ký, tương truyền của Hư-Chân-quần.

Vì dụ hôm mừng một tháng giêng, khi-vận một năm bắt đầu, các cụ bảo xem bốn phương trời nếu có mây vàng, thì năm ấy thế nào cũng phong-dăng hòa-cốc; trái lại, sáng mừng một có sương mù, không phải là điềm lành, đáng lo đại-hạn.

Ngày Lập-xuân nắng ráo, ấy là tin mừng cho con nhà nông, cả chiêm lẫn ruộng năm chắc thu-hoạch tốt đẹp. Lại có thể xem ngày hôm ấy nhằm vào can chi nào mà đoán định niên-vận xấu tốt; nở nhằm Giáp Ất thì được mùa, Bính Đinh có đại-hạn, Mậu Kỷ lo lúa xấu, Canh Tân người không yên, Nhâm Quý chắc lụt lội.

Các ngài thử xem trong tháng hai, nếu có ba ngày là ngày Mão, thì quanh năm lúa má quả hoa đều được mùa.

Mưa rào hôm mừng một tháng ba là một hiện-tượng quan-hệ, vì nó báo trước tai-dịch lao đao đến nơi. Nhưng ngày Thanh-minh có gió nam lại là giai-triệu cho con nhà nông.

Tiếng sấm cũng có ảnh-hưởng cho nông-nghiệp dân-sinh đảo đề... Tháng-hai, giữa tiết Kinh-trập, có sấm kêu ran, từ hướng nọ sang hướng kia, gọi là sấm « trời », thì trong năm thóc gạo rẻ. Trái lại, trong tháng tư mà hai ngày Giáp-ti và Canh-thìn có sấm thì lúa bị sâu ăn, cũng như tháng tám giữa ngày Thu-phân sấm chớp thì gạo tất kém.

Tóm lại, mỗi ngày mỗi tháng, khi-tượng phát-hiện thế nào, thì có quan-hệ liên-lạc đến cuộc đời sinh-hoạt, nghề nghiệp nông-tang của chúng ta thế nào, tiên-nhân đều lấy kinh-nghiệm mà đoán định tốt xấu dữ lành đủ cả. Trên đây chúng tôi chỉ kể mấy việc làm lệ-chứng thế thôi.

Sự kinh-nghiệm của tiên-nhân không phải hoàn-toàn sai lạc; kỳ thật vẫn chưa có nhiều cái giá-trị học-thuật đáng cho chúng ta nghiên-cứu. Nói cho công bằng,

lắm điều tiên-nhân ta nhận xét, tương như thành-kiến không hợp với khoa-học đời nay, nhưng nghiệm ra sự thật, ta thấy vẫn đúng. Chẳng phải có khoa-học xây dựng lên bởi nền tảng kinh-nghiệm và thành-kiến đấy ư?

Muốn cho độc-giả biết khi-tượng-học của tiên-nhân ta một cách rõ hơn, để mà chiêm-nghiệm cả năm, chúng tôi sao-lục bài ca dưới đây. tựa là « Chiêm chu niên khi hậu phong sắc ca »; tác-giả tên gì không rõ, chỉ thấy chép trong một tập gia-thư mà chúng tôi vừa được xem, đề biệt-hiệu là « Cù huyện Hiệp-hòa »:

Cứ trong Ngọc-hạp chiêm niên,
Chép làm quốc-ngữ để truyền cho con.

Dám dẫu rằng khéo rằng khôn,
Gọi là dề dầy gia-môn nhà mình.

Biết năm, biết tháng dữ lành,

Biết mưa, biết nắng, được đành ấm no.

Biết cơ ắt cũng khỏi lo,

Dẫu má tiền bạc để cho chẳng tui.

Tháng giêng từ trước kể ngay:

Lập-xuân sao được một ngày tạnh cho?

Lập-xuân tạnh thời được mùa,

Đầu năm-mùng một sương mù hạn tai.

Mây vàng khắp bốn phương trời,

Thời trong năm ấy thành thời mùa màng.

Thượng-nguyên trời nắng chang chang

Quả hoa năm ấy mọi đường tốt tươi.

Tháng hai Kinh-trập sấm trời,

Được mùa năm ấy gạo coi như bún.

Ngày Xuân-phân có mưa phùn,

Quanh năm chẳng có ai-ôn đau má!

Tháng hai ngày Mão được bà,

Nơi nơi lúa thóc quả hạ được mùa.

Trong ngày Xuân-xử mà mưa,

Lúa nhiều mà giồng quả hoa chẳng nhiều.

Tháng ba mừng một mưa rào,

Ấy điềm tai địch lao-đao chẳng lành.

Gió nam trong tiết Thanh-minh,

Thỏa lòng những kẻ nông canh cấy bừa.

Mồng ba mưa, tốt lắm to,

Đoạn rồi xem tiết tháng tư Lập-hè.

(Xem tiếp trang 38)

VỀ ĐẸP CỦA TRANH TÀU QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI

LÊ VĂN HÒE

Có lẽ không dân-tộc nào thích chơi tranh bằng dân Trung-hoa. Và có lẽ cũng không dân-tộc nào chịu ảnh-hưởng dân Trung-hoa, về phương-diện đó, sâu xa bằng dân Việt-nam ta.

Năm nào cũng như năm nào cứ vào dịp gần Tết Nguyên-đán từ thành-thị tới thôn-quê, tranh vẽ bày bán la-liệt khắp các chợ, và bất luận là tranh Tàu tranh ta, vẽ mực, vẽ màu, xấu đẹp thế nào, cũng được người lớn trẻ con xô nhau vào mà mua.

Thích chơi tranh ai chẳng bảo là ham mỹ-thuật.

Nhưng sự thật vị tất đã như thế.

Vì chơi tranh, thì nhất người vẫn chơi song mấy người đã biết thưởng thức tranh? Mấy người đã nhận chân được giá-trị tranh? Mấy người đã hiểu thế nào là bức tranh đẹp, hoặc vẽ đẹp của tranh ở chỗ nào?

Mà có biết thưởng-thức tranh, mới biết lựa chọn tranh mà chơi, và có biết lựa chọn tranh thì mới gọi được là ham chuộng mỹ thuật.

Vậy thì, chơi hoa phải biết hoa, chơi tranh ta cũng phải biết tranh mới được.

Nghĩa là phải biết về đẹp của tranh.

Đây nói riêng về vẽ đẹp của tranh Tàu, thử tranh xưa vậy người mình vẫn ham chuộng, thử tranh mà nhiều họa-sĩ kiểu mới nước ta ngày nay vẫn chịu ảnh-hưởng hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, thử tranh mà chính người Âu Mỹ cũng bán trọng trân tàng.

Về đẹp vốn không tuyệt-đối và cũng không có thước đo. Nó chỉ là một khái-niệm tương đối và tùy theo thời-đại dân-tộc, xứ-sở mà đổi thay.

Vậy xét về vẽ đẹp của tranh Tàu qua các triều-đại không gì hơn là căn cứ vào những nhà phê-bình hội họa người Tàu từ xưa tới nay.

Vì người Tàu hiểu mỹ-thuật Tàu hơn hết người nước khác. Còn như cách thưởng-giám tranh vẽ của họ dù có không giống cách thưởng-giám của ta, điều đó cũng không sao. Ta đã chơi tranh Tàu, thì lẽ dĩ nhiên là phải biết thưởng-giám cho đúng quan-niệm của họ.

Trái thế, không biết hoặc không chịu thưởng-giám tranh theo người Tàu, thì tức là không biết chơi tranh Tàu, ta đừng chơi nữa.

Thần khảo-luận này chẳng những giúp bạn đọc thưởng thức tranh Tàu mà thôi, lại có thể giúp các nhà học-giả và các họa-sĩ hiểu quan-niệm mỹ-thuật của người Trung-hoa một cách thấu-triệt hơn.

Và chàng nhân mùa tranh, nói chuyện tranh, dù sao, tưởng cũng là một việc không đến nỗi trái mua vô vị vậy.

Thời ấy đã có tới sáu bộ sách phê-bình hội-hoa, vừa do họa-sĩ vừa do văn-nhân, vừa do vua chúa soạn ra.

Tống. — Họa sơn-thủy tự của Tống-Binh, Tự-họa của Vương-Vi.

Hàn-Ngư. — Thuật họa kỳ của Tôn-Xưởng.

Tề. — Cổ họa phẩm lục của Tạ-Hách.

Lương. — Sơn Thủy tùng thạch cách của Vua Nguyên-đế.

Trần. — Tục họa phẩm của Điều-Tối.

Và tới đời Đường thì có lẽ toàn-hình, vì chính đời này xuất-hiện một bộ sách phê-bình hội-hoa có thể cho là đồ-số nhất và giá trị có một không hai trong văn-giới Trung-Hoa.

Đó là bộ Lịch-đại-danh-họa-ký của Trương-ngạn-Viễn. Bộ sách này gồm tất cả 10 quyển, phê-bình tất cả các họa-sư có danh từ đời Hiên-viên đến đời Đường, tổng cộng là 371 họa-sĩ.

Đến đời Tống, thì môn hội-hoa được liệt làm một nghệ-thuật chính-thức do Triều-đình cầm đầu, vì đời ấy, nhà vua đã lập ra Họa-viện dành cho họa-sĩ giá-trị cũng tương-đương như Hàn-lâm viện với nhà văn.

Trình-độ phát-triển của môn hội-hoa Trung-Hoa đại-khai như thế. Sau về giá-trị bức tranh, tức là về xếp của tranh, ta cần phải căn cứ vào lời phê-bình của đa số văn-nhân họa-sĩ mỗi thời mà định.

THỜI TÀU

Thời này sách vở nói về hội-hoa không có. Duy thấy sách Hàn-phí-tử có một đoạn ngắn nói về hội-hoa đại ý như sau này:

Người Tàu vẽ tranh, không biết đích từ thời nào, thời Phục-Hy vẽ bát-quái, hay thời Thương-Hiệt đặt ra chữ viết, nhưng chắc-chắn là từ đời Thương-cổ.

Vì tới thời Khổng-tử, nghệ-huà hội-hoa của Tàu coi đã tiến-bộ tới một trình-độ khá rồi.

Trong sách Luận-ngữ, Khổng-tử có nói:

« Hội sự hậu tảo » nghĩa là vẽ nên trảng trước rồi vẽ tranh sau.

Đã biết vẽ nên trảng trước rồi mới vẽ tranh đề lên, thì nghệ-thuật hội-hoa Trung-hoa trước thời Xuân-thu và giữa thời Xuân-thu, không có thể bảo là còn ở thời-kỳ phôi-thai hoặc sơ-trĩ nữa.

Thật vậy, nghệ hội-hoa có phát đạt thì khoa phê-bình hội-hoa mới xuất-hiện, cũng như bất cứ một nghệ-thuật, phê-bình bao giờ cũng đi sau sáng-tác.

Thế mà ngay từ thời Chiến-quốc, người ta đã thấy Trang-Tử tỏ ý phê-bình về tư-cách họa-sư. Vậy ít ra, nghệ-thuật hội-hoa của Tàu đến thời Chiến-quốc cũng phải thịnh đạt rồi.

Nếu điều đó không làm, thì nghệ-thuật vẽ tranh của Tàu đến đời Luc-triều đã đại thịnh, vì nguyên một

« Vẽ chó ngựa rất khó, vẽ ma quỷ rất dễ. Chó ngựa, ai nấy đều biết, sớm chiều ở trước mắt, không thể vẽ giống hết được nên khó. Ma-quỷ vô hình, vô hình thì không ai trông thấy được, nên vẽ dễ »

Căn cứ vào đoạn văn đó, người ta có thể đoán biết rằng thời bấy giờ, họa-sĩ thường chỉ vẽ những nhân-vật (trường-tượng, ít vẽ những nhân-vật có thật. Bởi thế Hào-Phi mới lên tiếng bài-bác những tranh vẽ ma-quỷ hoang-dường.

Vậy có thể nói rằng Thời Tân, bức tranh đẹp lý-tưởng là bức tranh tả-thực, bức tranh vẽ giống hết những nhân-vật có thực.

THỜI HÁN

Trong sách Hoài-nam-tử của Lưu-An có đoạn nói về hội-họa đại-y như sau này:

« Ngoài cái tâm thước bức tranh, họa-sĩ hay cần-thận cái bề nhỏ ở mắt mà bề mặt đại bức tranh »

Coi đó, thời Hán, một bức tranh đẹp phải là một bức tranh cấu-tạo đúng tâm, thước, toàn thể phải cân-đối nhịp-nhàng với nhau.

THỜI HẬU HÁN

Trong sách Hậu-hàn-thư, Trương-hành-truyền có chép lời Trương-Hàn luận về hội-họa đại-khải tương-tự với lời Hán-Phi:

« Họa-công không thích vẽ chó ngựa mà thích vẽ ma quỷ, vì sự thật khó vẽ cho giống, mà cái giả dối thì không biết đến đâu là cùng vậy »

Quan-niệm mỹ-thuật của người thời này cũng giống người thời Tần chăng?

THỜI TÂN

Những thiên họa-luận tới cỡ của Trung-hoa lưu-truyền tới nay là hạ thiên

Luận Họa, Ngụy Tấn lưu-thăng họa-tán và Họa-văn-dài-son-ký của Co-khải-Chi là một họa-sĩ trừ-danh, một văn-nhã có tài-khí đời Tân.

Theo những lời bình-luận trong ba thiên đó, người ta có thể nói Co-khải-Chi chú-y về mấy điều sau này:

1. — Tinh-thần, Khải-Chi gọi là sinh-khí là siêu-khoát cao-hùng là tinh-thể...

2. — Thiên-thủ cũng gọi là tư-nhiên.

3. — Cốt-tướng.

4. — Cấu-đồ.

5. — Dụng-bút.

Trong những lời bình-tán các họa-phẩm, Co-khải-Chi hoặc khen người này khéo dụng bút nhưng kém cốt-tướng, hoặc vẽ có sinh-khí mà dụng-cấu-đồ... không ai được hoàn-toàn 5 điểm trên.

Do đó, ta có thể biết rằng thời bấy giờ một bức tranh đẹp hoàn-toàn phải có đủ năm điều trên. Năm điều ấy theo từ ngữ ngày nay là:

1. — Sinh khí (Vie et mouve ment).

2. — Tự nhiên (nature) giống thật.

3. — Cốt-tướng (forme, ligne) hình dạng.

4. — Cấu-tạo (composition) xếp-dặt khéo.

5. — Nét bút (trait) vận dụng khéo.

Song điều hoàn-toàn không làm gì có ở đời này, nên ta có thể biết rằng thời ấy tranh đẹp là tranh có tinh-thần hoặc sinh-khí, vì trong 5 điều, điều này được đặt lên trên đầu.

THỜI LỤC TRIỀU

Theo quan-niệm các họa-sĩ và văn-sĩ thời này, một bức tranh đẹp phải là một bức tranh có thần hoặc có linh-hồn hay có hồn; tức cũng là có tinh-thần

hoặc sinh-khí, như quan-niệm thời Tần vậy.

THỜI ĐƯƠNG

Chu-cảnh-Huyền tác giả sách Đường-triều danh họa lục, chia tranh vẽ ra làm 4 hạng giá-trị cao thấp khác nhau:

Nhất Phấn.

Nhi Điều.

Ba Năng.

Tư Dật.

Trương-ngan Viễn tác giả sách Lịch đại danh họa ký thì nói như thế này:

Mất tư-nhiên sau mới đến thần, mất thần mới đến điều, mất điều mới đến tinh, tinh mà có bệnh thì là căn-tổ.

Và liệt các phẩm hạng cao thấp của tranh như dưới:

Tư-nhiên là bậc trên của thượng phẩm.

Thần là bậc giữa.

Điều là bậc cuối.

Tinh là bậc trên của trung-phẩm.

Căn-tổ là bậc giữa.

Nghĩa là theo Trương, bức tranh đẹp phải là bức tranh vẽ thật tư-nhiên, tức y như là thật vậy.

Ngoài ra Trương lại chú-trương mấy thuyết này:

a) Ý phải có trước khi đặt bút.

b) Nét bút chưa đủ mà ý đã đủ.

Tức là chủ-trương thuyết « ý tại họa ngoại » ý cảm thấy ở ngoài bức tranh, trong tranh vốn không vẽ cái đó mà người xem cảm thấy có cái đó.

Thời Đường thuyết của ông Trương-ngan-Viễn thắng thuyết của Chu-cảnh-Huyền liệt đầu là hạ phẩm, điều đó tới nay, nhiều người cũng lấy làm bất phục.

THỜI TỐNG

Vua Tống Huy-tông chia phẩm hạng tranh theo thứ-tự sau này:

(Xem tiếp trang 35).

MỘT THUYẾT MỚI VỀ BÁT-QUÁI

BÁT-QUÁI



Những nhà nghiên cứu văn - tự - học ngày nay hầu hết đều tin bát-quái là văn-tự do Phục-hy tạo ra, tức là dấu hiệu ghi vật. Nhưng cứ như sự xem-xét kỹ-càng và dịch-xác của các học giả gần đây, thì bát-quái là văn-tự thượng - cổ, mà không phải là dấu hiệu ghi vật, chỉ là dấu hiệu ghi số mà thôi.

Sao bảo là dấu hiệu ghi vật? Tức như điều người ta vẫn tin ☰ là chữ 天 là trời, suy ra ☷ là chữ 地 là đất, suy ra ☴ là chữ 水 là nước, suy ra ☵ là chữ 火 là lửa, suy ra ☳ là chữ 日 là mặt trời, ☶ là chữ 月 là mặt trăng, ☱ là chữ 目 là mắt; còn các quẻ khác cũng đều là dấu hiệu ghi vật vậy.

Sao bảo là dấu hiệu ghi số? Tức như các nhà học giả gần đây cho ☰ là chữ 三 là ba, ☷ là chữ 六 là sáu; còn các quẻ khác cũng đều là dấu hiệu ghi một số vậy.

Xét ra lấy mỗi quẻ là dấu hiệu ghi vật; bắt đầu từ sách Dịch-vĩ kiến khôn tác độ nói rằng:

« Bát quái : ☰ có văn là chữ 天, ☷ có văn là chữ 地, ☴ có văn là chữ 風, ☵ có văn là chữ 山, ☳ có văn là chữ 水, ☶ có văn là chữ 火, ☱ có văn là chữ 雷, ☲ có văn là chữ 澤, Trạch là đầm ».

Thiên Khố học kỷ văn của Vương ưng-Lân đời Tống theo đó suy rộng ra, mà sách Dịch -

truyện của Dương-thành-Trai cũng nói rằng:

« Quẻ là tên gọi; còn những vạch không phải là quẻ, là những chữ do Phục-hy mới chế ra »

Đó là nguồn gốc những thuyết nơi tâm quẻ là dấu hiệu ghi vật mà ngày nay người ta đều tin theo vậy.

Còn như cho bát quái là dấu hiệu ghi số người đời nay chưa từng nói đến, nhưng trong sách Hán thư luật lịch chí cũng đã từng phát ra cái dấu mỗi đó rồi, tức như câu nói: « từ Phục-Hy vạch tám quẻ, do số đếm khởi ra ». Ngoài ra còn nói các phép đo, lương, cân, cũng đều cùng bát quái có mối quan hệ trực tiếp gián tiếp,

cho nên biết bát quái là dấu hiệu ghi số vậy.

Câu nói : « quẻ do số đếm bắt đầu » Nhan-sư-Cổ có chú giải rằng : « Số đếm về vạn vật, nhân bát quái mà khởi ra vậy ».

Lưu Mân nói : « sách Chi nói : quẻ khởi ở số đếm ; Nhan nói : số đếm khởi ở quẻ » đều là không phải vậy. Lời nói của Nhan, Lưu, lời trái nhau mà ý như nhau, vì quẻ tức là số, số tức là quẻ. Quẻ đó là tên gọi; số đó là công dụng vậy.

Đó là những chứng cứ tam quẻ là dấu hiệu ghi số. Dny có người đời Tống phân nhiều tin ở thuyết Vi-thư ; người đời nay tin đó, càng nói thêm mãi vào, không biết cái gốc của mỗi quẻ là để ghi số đếm vậy.

Trở lên trên là thuật qua nguồn gốc hai thuyết ghi vật, ghi số. Sau đây thử theo tinh lý mà suy ra, cũng cho thuyết ghi số là hơn cả.

Nói theo tinh lý gì ?

Nếu cho quẻ là dấu hiệu ghi vật, làm sao khi vạch dấu hiệu, chỉ biết vạch đường thẳng, không biết vạch đường cong ; chỉ biết vạch đường ngang, không biết vạch đường dọc ; chỉ biết vạch đường thẳng bằng, không biết vạch đường xiên chéo và đường giao nhau ? Đó là một điều không thể hiểu.

Nếu cho quẻ là dấu hiệu ghi vật : thì cho ☰ là ngựa già ; cho ☷ là con trâu, cho ☱ là mặt giếng, là tai, cho ☲ là lửa, là mặt trời ; đượ-y số với lối tượng hình là rõ ràng. Đã trước có ☰ ☷ ☱ ☲ rõ ràng hơn, làm sao sau đó lại có các tượng-hình ngựa, trâu, mặt giếng, mặt trời như thế ? Đó là hai điều không thể hiểu được.

Đã nói « vua Phục Hy ngựa lên xem

tượng ở giới, cúi xuống xem phép ở đất, xem vết chân ngựa, cùng những cái hợp ở đất, gần lấy ở mình, xa lấy ở vật, rồi đó mới làm ra tám quẻ » (dịch hệ từ). Đó là bảo theo cái hiện tượng thiên nhiên mà vạch ra các dấu hiệu. Nhưng tượng hình các chữ ngựa, trâu, mặt giếng, mặt trời, không phải là hiện tượng thiên nhiên ư ? Chẳng lấy cái kia mà lấy cái này. Đó là ba điều không thể hiểu.

Ba điều kể trên có thể giải thích tám quẻ không phải là dấu hiệu ghi vật. Nhân đó, thử nói tám quẻ là dấu hiệu ghi số như thế nào.

Vì ở trước khi chưa có văn tự, sự cần dùng ghi số, cũng như ghi vật ; có khi lại cần thuật hơn ghi vật. Vì vật có hình, dễ dùng sức óc ghi nhớ ; số đếm không hình khó dùng sức óc ghi nhớ. Mà phạm nó vật, tất phải kể theo số, như 1 người, 2 người, 1 con ngựa, 2 con ngựa. Số đã không hình, rất dễ lẫn lộn, nên phải đặt dấu hiệu để ghi lấy. Các chữ số đặt ra bấy giờ tức là bát quái ngày nay vậy.

Nay lại nói về phương pháp và thứ tự đặt ra dấu hiệu ấy.

Các nhà học giả gần đây cho rằng bát dấu vạch nét — là chữ nhất —, vạch hai nét — là chữ nhị —, vạch ba nét — là chữ tam —, (— — — không phải là quẻ, dưới số nói rõ). Đến đó bèn dừng lại không vạch thêm nữa, vậy thì lấy gì để ghi những số từ số 4 trở đi ? Đáp rằng : Đem nét vạch trên cùng số — cắt đứt thành ☰ là bốn, lại đem vạch giữa cắt đứt thành ☷ là năm, lại đem một vạch cuối cùng cắt đứt thành ☱ là sáu. Đến đó không thể lại vạch được nữa, lại đem cái vạch trên cùng số — nối liền thành ☲ là bảy, lại đem vạch thứ

nối liền thành ☳ là tám, lại đem vạch cuối cùng nối liền thành ☴ là chín. Như vậy các số mục từ 1 đến 9 đã đủ rồi, nhưng số 9 và 3 không khác nhau, các nhà học giả cho rằng tất lúc bấy giờ ở trên số ☳ có đặt một ký hiệu riêng để làm chữ 9. Ký hiệu ấy ngày nay đã mất rồi, nên lẫn với số 3 mà không phân biệt, thành ra quẻ chỉ có tám mà không có chín.

Ngoài ra lại có một thuyết có thể giải thích điều nghi vấn quẻ chỉ có tám mà không có chín. Hoặc giả đời bấy giờ phép tính số, kể từ tám trở lên, chứ không kể từ 10 trở lên. Lẽ ấy cũng thường có, như phép tính số ở nước Anh, kể từ 12 trở lên, các chữ số có 12 chữ, 12 tức là 1 thước, 12 cái là 1 tá vậy. Đã có thể dùng số 12 kể lớn, làm sao lại không dùng được số 8 mà kể lên ? Lại như ở Trung-quốc lấy 16 lượng làm 1 cân đó cũng là chứng cứ số đếm không cần dùng số 10 mà kể lên vậy. (Lấy 16 lượng làm một cân, chế độ ấy từ xưa đã thế, đến nay chưa đổi)

Nay lại cần nói thêm một điều : các số từ 3 đến 8 đều làm một quẻ, mà hai chữ 1, 2 là — — riêng không phải là quẻ là có sao ? mà quẻ ☰ ☷ lại là chữ gì ? Đáp rằng : ☰ ☷ là sự biến hành ở đời sau vậy. Vốn — — người sau vì nó cùng xếp hàng với các quẻ khác, không được chính tề, rồi đó ở trên dưới — đều gia —, ở khoảng giữa — gia —, mà thành ra hình quẻ ngày nay. Cái đó cùng với người nay viết — làm 弌, viết — làm 弌, cũng một lẽ vậy.

Nay lại đem tên 8 quẻ và các chữ số đại biểu xếp hàng sau đây để tiện xem xét : ☰ (khâm 1) ☱ (ly 2) ☲ (kiên 3) ☳ (đoài 4) ☴ (chấn 5) ☵ (khôn 6) ☶ (cấn 7) ☷ (tốn 8)

Các chữ số từ 1 đến 9, như trên đã nói, vậy thì từ 9 trở đi, sẽ dùng phép gì để ghi lấy ? Đáp rằng : Dùng hai chữ số (tức 2 quẻ) gia nhau, mà lấy tổng số như ☰ là 10, ☱ là 11 đó vậy. Rồi đó do 8 quẻ mà diễn lên 64 quẻ, điều mà Văn-vương coi là thần bí không thể lường được ấy, thực ra chỉ là điều mà nhiệm trong toán học vậy.

Chẳng những từ 9 trở đi, có thể đem hai số gia nhau mà thành ; ngay số 9, hoặc cũng dùng phép ấy. Lẽ như ☰ làm 9, ☱ là 9, ☲ cũng là 9 đó vậy.

Tóm xem thuyết trên, có thể liệt tám quẻ là dấu hiệu ghi số, so với tám quẻ là dấu hiệu ghi vật có phần xác thực hơn. Nhưng bảo quẻ là dấu hiệu ghi vật cũng không phải là không có, sự ấy chỉ là sự mượn dùng ở đời sau chứ không phải là sự vận dụng ở buổi ban đầu. Mượn chữ số mục làm dấu hiệu ghi vật, điều đó là gốc ở quẻ có âm dương ; nhưng âm dương sinh ở cơ (lỗ) ngắn (chấn) ; cơ ngắn là phần quan hệ của số, nên ban đầu vẫn là số vậy. Còn như các thuyết Thái cực, lưỡng nghi, Tứ tượng, bát quái, chỉ là lời nói của người đời sau, không can dự gì đến việc vua Phục-Hy.

Tóm lại mà nói, bát quái vốn là dấu hiệu ghi số ; về sau mới kiêm dùng làm dấu hiệu ghi vật ; về sau nữa, việc người thêm nhiều, không thích dụng nữa mới lại biến làm các quẻ dùng trong sự xem bói. Vì sự biến-hóa của chữ số rất là kỳ diệu ; nên ở vào thời đại người cổ sơ, coi là điều thần bí không thể lường được là việc nên có, nên mới dùng làm thứ để xem bói vậy.

BÁT-AC

CHUYỆN ĐÁ SỬ. QUÊ NGƯỜI, XUÂN MỚI

Tiếng pháo mừng xuân nổ từ bề,
Riêng mình thêm rộn nỗi niềm tẻ.
Quê người xuân mới từ vui nhí,
Cũng muốn vui chung nghĩ chán phê.
Cũng muốn vui chung nghĩ chán phê,
Biết đem tâm sự tỏ ai nghe.
Mỗi tay đập đá ông già bộn,
Xin gượng vui xuân nhấp chén chè.

Mấy vần thơ kể trên đây do tôi được nghe trong một cuộc nhân đàm của mấy vị cố-lão hồi mấy năm trước, là di-cảo của một chí-sĩ khi vong mệnh ở nước ngoài, nhân gặp ngày tiết Nguyên-đán, thầy mọi người mao nước vui xuân, mừng xuân mà lòng riêng xúc cảm, mượn đề ngâm vịnh, cho khuây-khỏa niềm riêng. Trong thơ có nói tới chí-khi và hành-động của một vị khách quốc anh-hùng, dù chỉ là mấy lời nói mập-mờ, nhưng nhận kỹ thực cổ vô hạn cảm-khái.

Nhớ lại những lời của một cố-lão đã kể về thân-thờ tác-giả, xin lược thuật ra sau đây để hiến các bạn một câu chuyện có ý-vị buổi đầu năm.

Từ cuối năm Ất-dậu (1885), Tôn-hất-Thuyết bỏ vua Hàm-Nghi ở lại Đồn Võ-tình Quảng-bình cùng viên đả-đốc Trần-xuân-Sạn đi đường thượng đạo, lên sang Tàu nói là để cầu vua Thanh đem quân sang cứu.

Ngày qua tháng lại, bọn Thuyết nên-ná ở đó đã hơn một năm, chẳng thấy vua tới nhà Thanh đi động gì đến việc cứu viện; Đô-xóm tỉnh-thể, biết rõ sự-cơ, xiết bao buồn-bực chán ngán. Đã được triều đình Thanh hậu-đãi, có chiếu-chỉ ban cho quân địa phương hàng tháng lương cấp tiền gạo.

vật tiện cho đủ dùng, nhưng thấy việc làm của mình chẳng còn một tia hi-vọng nào, Thuyết càng hối-hận tức bực, như muốn phát điên lên. Cũng vì có tính điên ấy hàng ngày trừ những lúc lang thang vơ vẩn ở ngoài đường; còn ở nhà riêng, Thuyết chỉ ngồi lì trong một gian phòng chật hẹp, tay cầm thanh kiếm phăm phăm-chặt từng hòn đá, hết hòn nọ đến hòn kia. Nhất là ban đêm, ông ngủ rất ít, thường một mình ngồi chễm-chệ trước một cái bàn. Trên bàn đặt một cây đèn dầu, ngọn xanh lơ-lỏi, một bên để một chồng đá một bên đặt một cây gương. Sau những lúc ngoảnh mặt lên mái nhà, miệng lầm rầm như cùng ai nói chuyện, Thuyết bỗng trợn mắt, hét lên một tiếng rồi ngồi nhồm dậy, tay cầm phất lấy thanh kiếm, giơ thẳng, rồi nhắm xuống đồng đá mà băm như băm bèo, miệng thì lầm nhảm quát tháo ầm ỉ.

Việc đập đá ấy đã thành công việc hàng ngày hàng đêm của Thuyết. Đập chán mỗi tay, ông thở dài, quăng bỏ thanh kiếm, hoặc ngồi thờ ra, hay khóc. Những lúc ấy, các người theo hầu không ai dám lại gần, phải chờ những khi ông chợp ngủ, mới dám rón rén đi vào phòng, nhặt nhanh những viên đá bắn tung các nơi xếp lại thành đồng và đặt thanh kiếm lên bàn như trước, để khi ông thức dậy lại đập như thường.

Các người hầu cận nói cứ để cho ông được luôn luôn có sẵn đồng đá mà đập thì ông bớt điên, nếu không thì ông sẽ làmđỡ, xông xáo và đập đánh mọi người. Mà chính khi tỉnh-táo, Thuyết cũng nói với mọi người rằng những lúc ngồi buồn nên không

đập đá, trong người sẽ thấy bút rứt không chịu được.

Việc làm kỳ quặc đó người Tàu lúc đầu còn lấy làm lạ, xô nhau đến, nấp bên ngoài phòng, ghé mắt nhìn xem, lâu dần họ đều cho là thường, gọi ông là « Tả-xạc-lũ » (打石老) nghĩa là ông già đập đá. Có nhiều người học-thức xét biết thân thể và tâm sự của ông, đem lòng kính trọng thường gửi giúp tiền bạc hay tặng các hoa quả, không mấy ngày không.

Quả vậy, một bầu tâm-sự, nung nấu anh-hùng, những toan-lập bề vớ giới, một sớm tan-tành, sự nghiệp đã như bèo bọt. Cái nông nổi làm mà không được, chất chứa lại biết bao hòn giận; khiến cho ông hậm-hực mà phát điên. Ông điên, ông làm dữ, nên không ai dám gần. Vậy mà một đêm khuya giữa lúc ông đang phăm phăm đập đá, mấy câu ngâm nga réo rắt của một khách đồng hương, từ xa đưa lại, như chạm mạnh vào nỗi lòng, ông bỗng hết cơn điên, ngồi yên ngay lại mà lắng tai nghe:

Nửa đêm thức dậy trông giờ,
Ông sao bên bắc đã rơi sang đông,
Bề hồ lấy lang mệnh mỏng.

Lắng nghe, ông nhận ra, người hát đó rất không phải là người vô tâm, ngâm vịnh để mua vui, chắc hẳn cũng là người sẵn mang một tâm sự như mình, vì công việc không thành, phiêu lênh nơi đất khách, đêm khuya dần - dục không sao ngủ được, thức dậy trông giờ, cầu chút khuây-khỏa, nhưng đôi mắt nhìn ông sao bên bắc đã rơi sang đông, thấy thì giờ đi vùn-vụt, nhanh tựa thời đưu, đêm hết lại ngày, ngày hết lại đêm, không tự hành được chỉ nguyên, trông ra cuộc đời man mác,



như biên hồ mệnh mỏng lãnh lảng, xiết bao bực chỉ đan lòng.

Vấn vơ nghĩ ngợi, kể lại mấy câu hát theo luồng gió lạnh ọ-ào thổi tới, như rơi vào tai:

Nói chi lấp bề vớ giới,
Việc người đường đã theo đời đổi thay.
Nước non còn chút lòng này.

Tiếng ngâm vừa dứt, ông đứng phắt dậy, mở cửa phòng từa-tức chạy ra ngoài

hiện; nhận rõ tiếng hát ấy ở trong một cái nhà tranh vẽ phía đông lán, chỉ cách một bậc rào thưa. Thuyết liền xé rào nhảy sang, rón rén đi ngay đến cửa ngoài căn phòng có người và hai đó, gia sư gõ cửa. Người trong phòng dù hồi hộp giật mình ngạc nhiên cũng chạy ra mở.

Cánh cửa vừa hé, ông rào bước vào, cúi đầu chào rất cung kính đoạn sấn sổ hỏi ngay:

— Phàm linh nơi đất khách, đêm tàn canh vắng, bỗng nghe tiếng khách đồng hương, nhận ra cũng một tâm sự cùng nhau, nên đường đột tới nơi thăm hỏi. Vậy ông là ai? Sao đây có việc gì và từ bao giờ?

Ông hồi chưa rút lời, người ấy đã sạp xuống lạy chào và nói:

— Thưa quan Trường, bệ sinh vốn cũng là một người trong đẳng Cầm-vương ở nước nhà, sau khi sự thế đã vỡ lở, định chạy theo sau ngựa để được châu hầu, nhưng chậm chân không kịp, một mình trèo đèo lặn suối, mãi mới đến đây, tới nay mới được hơn ba tháng. Khi tới nơi, định vào bái kiến, nhưng nghe quý-thê khải am, chưa dám đường đột. Chiếc lá lìa rừng, tâm thần trời đất, nỗi niềm tâm sự, cảnh cảnh bên lòng, đêm khuya không ngủ, lời quê chấp-nhật, tâm giải cơn sầu, không ngờ lại làm kinh động tướng quân, giảng làm thăm hỏi, thực là có tội. Cúi xin lượng thứ cho.

Thuyết vội xua tay nói:

— Đã cùng nhau đem thân tới đất này, đều là bạn đồng chi cả, phải nên cùng lòng hợp sức, coi nhau như ruột thịt, không nên oán-mộ lễ thường.

Nói xong Thuyết dặt tay người ấy cùng ngồi xuống, rồi hỏi họ tên, mới biết là Hận-sinh, một tay quán hệ trong đẳng Cầm-vương, sau khi thất bại phải trốn sang Tàu. Hỏi do tông-tích ông Thuyết, tìm được đến

nơi, biết rõ việc cầu cứu đã thất vọng, muốn vào thăm ông, nhưng ông đang bị tâm-tật không dám vào, phải đến ở nhờ một nhà bên cạnh. Sau khi đã hỏi chuyện Hận-sinh lại kể cho ông Thuyết nghe những chuyện nước nhà, ông càng thấy rõ sự thất vọng lắm.

Dù thất vọng, nhưng ở nơi đất khách, gặp được người đồng chí, từ đó ông Thuyết cũng đỡ được tình nóng nảy phát điên, rồi ông bảo Hận-sinh dọn sang cùng ở một nhà, sớm hôm cùng nhau đàm-đạo.

Có Hận-sinh, ông Thuyết đôi khi cũng ngâm vịnh để chí, như mấy câu sau đây:

Thanh sơn bạch thụ thương tâm xử

青山白樹傷心處

Đại hải trường giang vọng viễn tình

大海長江望遠情

Vạn chúng cần vương nhân tự phẫn

萬衆勤王人自奮

Nhất ngưng báo chủ khách do hành

一隅報主客猶行

DỊCH NGHĨA

Non xanh cây trắng nơi chua xót

Biển cả sông dài nỗi ngóng trông

Dân nước giúp vua người cố sức

Bên giới báo chủ khách ra công

Lạ: Khi phải cắt tóc để lập lá trong đám người Tàu, ông Thuyết cũng có mấy câu thơ rằng:

Thiên tâm ninh ái phát

天心寧愛髮

Nam diện ỷu tư tu

男面要留鬚

DỊCH NGHĨA

Lòng thiên nào tiếc tóc

Mặt này phải để râu

Hận-sinh cũng thường ngâm vịnh nhưng muốn cho chi không quên gốc, thường làm thơ ca bằng quốc-âm. Tức như mấy bài thơ « Xuân quê người » đã kể trên kia vậy.

SỞ-BÀO

TIẾNG CHẠM MẠNH

TRUYỆN NGẮN

của HỒ-DZÊNH

Kim đồng hồ gần chỉ mười một giờ. Ông giáo Hải yên lặng thu xếp sách vở trên bàn viết, yên lặng cái cúc áo, rồi tần bước đi lại trong lớp học. Bốn mươi tám cái mặt học trò sáng lên chung quanh ông. Một nỗi thành thời làm nhẹ nhàng bầu không khí vừa cách đây nửa giờ còn sặc mùi nghiêm khắc. Bây giờ, mọi người đợi chờ cái phút giải thoát. Những một ngày rười rượi rồi! Ông giáo Hải sẽ được thư nhàn đọc sách, làm văn, nghỉ ngơi. Chắc nữa, sau bữa cơm ngon lành. — Ông trí nhà trọ những 80 đồng một tháng — ông sẽ bắt thẳng con chủ nhà trả cái chiếu mới lên giường, lấy cái gối mây mới mua ở Hà-nội về để ông nằm giải xem bộ Tam Quốc còn đọc dở. Phía trên đầu ông, mở ra vườn một cái cửa sổ nhỏ đón những đợt gió không nóng. Trong khi đó, ông thở ra những làn khói thuốc lá, cái chất hóa mệ làm người ta quên phiền toái và tìm thấy đôi chút sức mạnh & minh. Trong đời, ông giáo Hải yêu nhất thuốc lá. Không có nó, ông sẽ chết, nếu không chết, ông sẽ khổ sở vô cùng. Nhiều khi, đương gắt với học trò ông bỗng vô tình đánh diêm châm thuốc. Cái cách nhỏ nhặt đó khiến ông trở lại với lòng bình tĩnh, với sự sáng suốt hiền minh. Thuốc lá càng được ông yêu hơn, từ ngày ông bị đứt về đây, một tình nhỏ ở mạn ngược, nơi mà người ta không có cách giải trí gì khác hơn là đi ăn ngoạn với mấy chục đứa học trò! Học trò, chẳng nó đến ngoạn ngoạn. Chẳng nó sợ thầy giáo hơn cha mẹ, giặt quần áo cho thầy rất siêng năng và sẵn lòng xem thầy như

một vị đại nhân văn tài tột bậc. Lòng tự ái của Ông giáo Hải được nâng nín, được ca ngợi. Như thế là sướng rồi. Còn hơn ở Hà-nội, ông giáo Hải phải cầm đầu những học trò hướng bình, phải chặm trán với các giáo sư đầy hóm hỉnh, kiêu căng.

— Chết, vậy! nữa quên mất!

Ông Hải nuốt miệng nói ra câu đó làm mọi học trò ngơ ngác nhìn nhau. Một đấng trong bọn vội vàng đứng lên « chúng tiền non »:

— Bầm thầy quên gì, để con về lấy ẹ. — Ai học anh đấy? Ngồi xuống!

Tay gắt ở ngoài mặt, nhưng trong lòng, ông Hải thấy vui vẻ. Phải, chỉ chút nữa ông quên mất cái thú tiêu khiển tuyệt diệu: Nghỉ thủ, ông đưa ngón tay út lên ngoáy tai rồi mỉm cười bỏ tay xuống. Hôm nay, tai ông đã có nhũn ráy, cái ráy khô, ngứa thượng hạng, lụn vụn, lẻ tẻ, ở nếp vào gần nhĩ, đôi lúc lại ngứa mãi trong những đường gỗ ghê, hóc hiểm. Lấy được lớp ráy ấy ra, phải một cái nạo cho bén, diêm khiến bởi một cái tay không nặng lắm, không run, bình tĩnh như tay lái của bác tài đánh xe trên đoạn đường nguy hiểm.

Cái người, sau buổi là, được ông Hải quý nhất là bác Thạch, bộ trưởng Duyên, học trò ông Hải. Ông bảo rằng từ ngày sinh cho lấy tai đến nay, hơn mười năm, ông mới gặp Thạch là một tay thợ lành nghề nhất. Hắn có những khúc đòn đưa lưỡi đao làm sụn đến những giây thép hình nhô nhất của thỉnh giáo, với những cái móc tuyệt xảo, lờ ra, vuốt tẽ và dẽ ngựa,

tàng tàng rảy một, đặt năm kiềm hãnh trên mu bàn tay.

Theo một hồi trống trường rộn rã, cái yên lặng bao phủ năm lớp học ở vỡ ra như tờ ong. Ông giáo Hải cho học trò xếp hàng, ra về, và ông không quên dặn với thằng Duyên:

— Báo thầy anh chốc nữa sang tôi cạo mặt, nghe!

Thằng Duyên vâng một tiếng dài. Hân sung sướng được thầy giáo sai bảo. Hân sốt sắng về chuyện cạo mặt, lấy tai của ông Hải đến nỗi bác Thặng phải gắt lên:

— Làm gì mà giục điện lên thế này. Ông giáo cũng còn soi cạo chứ.

Tuy nói thế với con, nhưng bác Thặng rất sang sướng ngầm. Cái tay dao kéo của bác đã lừng tiếng khắp mấy huyện. Người ta gọi bác là thợ cạo Hà-mỹ. Những người được bác hót tóc cho đều nhận rằng bác thạo nghề, nhanh-nhẹn. Nhưng sinh hoa của nghề hót tóc chưa hẳn ở những cái dập ăm ắp của « tăng đơ », mà còn ở những đường cạo ngọt sớt, kỹ càng, đưa lia vào những chỗ nguy hiểm nhất. Người dám cho dao lượn gần sát mí mắt. Ấy thế mà bác Thặng dám làm. Dao của bác, hai thứ dao, đây là thứ dao nhỏ, khoan lẩn lẩn theo những đường gần tai; như người khoan chôn ốc, kéo ra từ những nơi tối tăm nhất một số

lông con đen lẫn trắng. Hết buồn ở tai, bác làm cho người ta buồn ở đầu lỗ mũi. Lưỡi dao to xoay tròn tại đó, đưa đến đau, khách hàng ghê người, lạnh gáy đến đấy. Tiếp theo, hai lưỡi kéo xỏ vào lỗ mũi, nhấp nháy trong đó, tĩa những cái lông cần yếu của sự hô hấp. Rõ ràng hơn mười năm trời làm cái công việc buồn nôn thiên hạ đó, bác Thặng chưa hề làm sứt da một người nào. Và người nào đó, một khi đã được bác cho nếm những mảnh khóc nhà nghề, không thể bỏ bác nữa. Mà cắt tóc, nếu không cạo mặt cho lâu, lấy tai cho kỹ, thì có khác gì ăn bánh cuốn không có dấm, ớt, hạt tiêu?

Cũng như nhiều người, Ông giáo Hải nghiện nặng khoa lấy tai của bác Thặng. Cho nên, vừa rời bữa cơm, bác đã sai thằng con chủ nhà chạy gọi người thợ hót tóc độc nhất vô nhị kia. Trông thấy mặt bác, ông giáo Hải trách nhẹ:

— Khiếp, lại dắt hàng ở đầu rồi hả. Đẳng đỉnh mũi!

Bác Thặng, một tay gãi tai, một tay đặt cái hộp gỗ đựng vật liện xuống đất, cung kính:

— Cháu mới ăn cơm xong ạ.

Ông giáo Hải đã kéo hai cái ghế lại gần hè, nơi gió Nam thổi mát. Theo lệ thường, khi nào cho lấy tai, ông ngồi trên một cái ghế, còn cái thứ hai dành cho bác Thặng. Ông từng kinh-nghiệm rằng lấy tai mà để thợ đứng không những nguy hiểm mà lại mất thú đi. Đĩa thuốc bắt đầu tĩa khói lên từ kẽ tay ông giáo. Bác Thặng hỏi ông:

— Thầy cho cắt tóc ạ?

— Tóc còn ngắn chán. Ông sửa gáy qua loa rồi lấy tai, cạo mặt. Bác Thặng lấy ra một cái khăn vuông vốn trắng nhưng đã đổi sang màu mỡ gà, định khoe lên người ông giáo; thì ông này bỗng kêu:

— Kia, xem chừng, cạo con gì nó bỏ đem đen trên khăn.



Thì ra đó là một con chấy kình. Bác Thặng nhanh nhẹn bảo cháu cho những đồ lễ thiếu sạch sẽ của mình:

— Cháu vừa mới giặt khăn hôm qua; thế mà...

— Thế mà đã có giống quý. Thôi, bác bỏ quách khăn đi cũng được.

Cái mũi « tăng đơ » bắt đầu găm tóc ở gáy, như con bò gặm cỏ ở sườn đồi. Đến lúc bác Thặng liếc lưỡi dao lên miệng da trên đó, bác nhổ toẹt một ít nước miếng cho tẹt, thì ông giáo Thặng thấy khoan khoái cả người. Lưỡi dao quét lia hai bên tóc mai dài và rậm, buông thõng xuống gần má như hai cái chân thò kệch làm thành hai tiếng « xoạt » cách nhau không lâu mấy. Nó xam lẩn đến những chỗ khác, tới đầu, gáy đó. Khoái nhất là khi nó rờn rợn ở chỗ kẽ mắt. Nó uốn

minh theo đường vòng, gọt vào từng đầu nút sợi thần kinh li ti. Còn muốn được rợn hơn nữa, ông giáo Hải bảo bác Thặng:

— Sao hôm nay ông không cạo cho nó... ghê thêm chút nữa.

Ấy thế là lưỡi dao lại đồn nấn thêm chút nữa cạo nghệ thuật làm ón người. Cái ghê thế hai chỗ ở vành lỗ mũi. Lưỡi dao soán khéo léo, đi đi, lại lại, khiến ông giáo được thỏa thích theo

những đợt cảm giác êm me.

— Còn lông mũi nữa chứ?

— Dè, còn lông mũi nữa, cháu nhớ ạ.

Hai mũi kéo bắt đầu luồn vào lỗ mũi, lục lọi trong đó. Chúng nó gần như đâm vào da, khiến ông Hải cứ phải nhech đầu lên như kiến tránh dè dặt mặt vật gì thúc ngược lên. Khi lưỡi kéo kéo rút ra, ông xỉ mũi, làm từ đó bay tua lĩa ra một số lông con. Bác Thặng làm đến một cái công việc thứ ba, cái công việc quan trọng nhất, lý thú nhất. Tay bác cầm một bó bình khi nhỏ. Thoạt đầu bác ngắm lỗ tai, nhúm một bên mắt lại. Làn mắt dò thám những nơi phải hành sự xong; bác cho cái móc con vào bầy những tầng rảy lên; Ông Hải vẫn phục Thặng ở chỗ gây những lớp rảy ăn khít vào thịt mà không đau, êm như ru, và cô nhiên là khoái như đã ngứa. Khi rảy tai đã xong chán, có cơ kéo ra được, bác dùng một cái nhíp dài sẽ sẽ gấp nó. Một cảm giác êm, buồn, hơi đau nhưng thanh thú mọi cách kỳ lạ chuyển khắp mình ông giáo. Tiếng rảy chui ra ở trong lỗ tai; cho đến khi rảy thoát ra ngoài, tai như được mở cửa, nhẹ đi « năm phút, mười »! Bác Thặng đem đặt cái kết quả của sự nọc, bầy kia lên mu bàn tay ông giáo. Ông giáo vui lòng thấy tầng rảy to

PHÒNG XEM BỆNH BÁC-SỸ PHÁT

21 phố hàng Dừa
(Lý-Thường-Kiệt),
mụ phố Sinh-tử,
cạnh viện Tổ-sinh.

Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 10 giờ 30
Buổi chiều: từ 4 giờ đến 7 giờ

không ngồi lời khen bác phó cạo tóc. Bác
Thặng tìm đến tầng rầy ở bên trong. Vẫn
cái công việc soi mói, nhưng lần này thêm
vào đó chất khéo léo nữa, vì bác đương cố
chuyện với cái nhũ tai. Làm mạnh, nhũ sẽ
từng, nhưng nhẹ, rầy tai không long.
Phải chăm chú, phải cẩn thận. Cái tai
ông giáo từ ngày nhẹ chuyển sang hơi đau ;
ông nhủ một mắt lại, mồm há lên một
hên, theo chiều cái tai chịu làm việc. Cả
thứ kéo dài ra ngót 30 phút. Khi lờ tai đã
sạch, bác Thặng lia cái dao khắp mọi nơi,
dọn một lần nữa những cái bẩn thừa rải
rác. Một cái đầu của ngón tay chỏ vào phía
dưới tai, chấm hết cái công việc tỉ mỉ và
trọng đại của bác Thặng.

Thường thường, ông giáo trả tiền công
thợ rất hậu. Và mười lần đầu chục, sau
khi đã ngứa và đã... đan xong, ông hiu
hiu nằm ngủ. Tuần tự như tiền, cuộc đời

của một ông giáo ở mạn ngược, cái cuộc
đời buồn bã, lạnh lẽo trôi theo một chiều
chỉ rộng lên vì nỗi, vai mừng được lấy tai
vào những chiều thứ bảy. Một trăm chiều
thứ bảy như thế đã lặng lẽ trôi qua, cho
đến một hôm...

Một hôm, đương giờ tai đen những cảm
giác mê man gây nên do những cái ngo, cái
móc, con dao, ông Hải bỗng nhận mặt lại.
Một tiếng gì kêu đánh « bực » ở lỗ tai. Rồi
cái gì nhọn nhốt chày theo ra, làm ông Hải
đưa tay lên sờ, và hốt hoảng :

— Gì thế bác ? Chết tới rồi !

Bác Thặng cố chữa tĩnh :

— Bẩm, không hề gì ạ. Cái rầy tai nó
chạm vào nhũ.

— Chạm sao lại có máu ? Sao lại đau ?

— Bẩm, cái da nó bị vỡ, chết !

Hôm đó, ông giáo không lấy vai chúi
nào. Bác Thặng cũng không mang đến
tiền, vội vàng cầm hộp đồ, leo lên bước
ra phía cổng.

Một hình-giác tỷ lệ làm ông giáo hoảng
mang, lo rằng từ đây đời ông sẽ khác trước.
Quả nhiên, sáng hôm sau thức dậy, ông
thấy tai ông bị sưng, một bên, tựa hồ như
không còn nghe thấy gì nữa. Ông giáo thấy
lòng buồn vô hạn. Tự dưng ông đưa tay
lên thăm cái tai còn sưng sộ, cái tai, tuy
biết rằng bác mình đã mắc nạn, vẫn luôn
luôn ngứa ngáy một cách khó chịu. Ông
giáo không dám gọi bác Thặng tài giỏi nữa.
Ông dùng tăm tự gỡ rầy tai lại. Cách đó
tệ hơn, dở ngay hơn, tay nó giảm rất
nhiều thứ vị. Và lại ở đời, chỉ sự ham mê
mới chữa nổi thôi ham mê, ông giáo Hải
buồng mình theo cái đà khờ dại. Rồi cái
tai còn xót lại kia bỗng một hôm cũng
« làm nạn » nốt. Nó chảy mủ. Nó bốc.
Càng thối, nó càng ngứa. Càng ngứa, ông
giáo lại càng phải ngoáy. Âm thanh ba-
giơ đi rất khó nhọc qua nhưng từng mủ
dày ngậy, khó nhọc mới chạm được đến
giấy thần kinh của thính giác. Tiếng
người nói bên tai, ông giáo nghe như
nó méo mó, lệch lạc, giống hệt cái
máy phát âm đã lâu ngày, mòn đi.

Cuộc đời chỉ còn là một cuốn phim câm,
có hình mà thiếu tiếng, có lay chuyển mà
không rung động. Nhà Học chính cho
phép con người giúp việc siêng năng về
điều dưỡng, an cho tiền trợ cấp, vì công
lao khổ nhọc trọn nửa đời.

Rồi cứ mỗi buổi chiều, khi bóng tối
dàng lên, ông giáo Hải không ngần ngại
lòng ngao ngán. Ông nương hai cái tai
vô dụng về nơi xa để mảy ra của nghe
được những lời huyền bí. Nhân gian,
dưới mắt ông, là một lũ người khinh
mọn Chúa không nói những tiếng bực và
dại. Mà ông, ông chỉ thoàng nghe được
những tiếng tròn và ngọt, như tiếng hai
vật gì mạnh mẽ chạm vào nhau.

Một hôm, đương ngồi xem báo để quên
mình và quên đời, ông giáo Hải bỗng
đứng dậy, nắm hai tay lại, nói to trong
giọng nhà rông :

— Hoài của ! Gở lác ấy mình đứng ở
đó mà nghe hai đoàn xe lửa đâm vào
nhau thì thử biết mấy !

Nhưng hai đoàn xe lửa hình như không
đào giờ còn đâm vào nhau nữa. Cái
giếng lớn nhất ở đời, cái tiếng vừa tai
ông Hải nhất, cái tiếng đó chỉ rộn lên
có một lần, mà rồi lên ở rất xa ông !

HỒ DZÊNE

LIBRAIRIE NEYRET

15, PLACE NEYRET - HANOI

(vườn Hoa của Nam)
MUA : sách ngoại - quốc dịch hay bán
chính về TRIẾT HỌC, PHÁT HỌC
XÃ HỘI HỌC, AM-NHẠC
TỰ-ĐIỂN : ĐÀO - DUY - ANH, Larousse,
Anglais các truyện hay ảnh hiếm của
các đại Văn-Hào

Librairie Neyret 15 Place Librairie, Neyret 15 Place

Một phát hành :

PHƯƠNG-THANH

10 năm nay mới lại có một tập thơ này là tập thơ
này, in toàn giấy lau, Ngọc Khuê, cực kỳ trang-nhà
Giá : 15p 30 (bắc-kỳ)

TRIẾT - HỌC TẬP BÚT

những tư liệu mới để bổ dưỡng thần trí
Giá : 3p.30 (Bắc-kỳ) - bản đẹp 15p.00

Sang năm có bản :

KHÔNG - TỬ

HỌC-THUYẾT - I và II

Giá đặt mua từ giờ 200p - 150p - 20p - 70p - 5 p - 15p.

QUỐC-HỌC THƯ-XA

N° 16bis, TIEN-TSIN - HANOI

BẤ XUẤT BẢN :

Việt-Sử Đại-Toàn

(tập nhất) của Trúc-Sơn MAI-BẮNG-ĐỆ
Giá : 4p.00

Thượng - Kinh Ký-Sự

(một ang định văn đồ, Hào-LA) của Hải-Thượng
Lão-Ông bản dịch của Thuận-Lý NGUYỄN-DU-LÃN
Giá : 3p.00

ĐÓN CỜ :

SAU LÁ THƯ GỬI CHO NGƯỜI BẠN TRÉ

của NGUYỄN-TẾ-MỸ - Giá : 4p.00

Phê - bình NBO - GIÁO

(cả 4 quyển) của Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU
Giá : 16p.00

Chú ý. - Vì sự giữ sách khó khăn và sách
in có hạn nhà xuất-bản không gửi sách
theo lối Linh-Hoa Giáo-Ngân. Độc-giả và
Đại-ty muốn mua sách xin gửi tiền trước.

Thư từ và Mandat xin gửi :

M. NGUYỄN-NHU-CÁT

Quản-ly : DUY-MINH THƯ-XA

N° 11, - VOIE 206bis HANOI

JANVIER, ĐÃ CÓ BẢN :

NHÀ NGHÈO

của LO HOAI - Giá & Bắc-kỳ : 3p.00
Bản đặc-biệt - 15\$00

CHỌN BẠN TÌNH

(Tiểu-thuyết của HOFFMANN)
VŨ-NGỌC-PHÂN dịch - Giá & Bắc-kỳ : 7\$00
Bản đặc-biệt - 25\$00

FÉVRIER, ĐÃ CÓ BẢN :

THƯ CHO MỘT THANH-NIÊN ĐỒNG THỜI

của NGUYỄN-ĐỨC-QUINH

Chơi Giữa Mùa Trắng

của HÀN-MẠC-TỬ

Dư - Hưong (Cổ-văn)

TÂN-HOÀI - bình-chú
NGUYỄN-ĐỖ-QUANG - minh-họa

Nhà xuất-bản NGÀY-MỚI

Chủ-độc : NGUYỄN-NGỌC-CHƯƠNG
151 đường Henri d'Orleans - HANOI

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và
tương-thiện thì chỉ có cách là : MUA VÉ XỔ SỐ ĐỒNG-ĐẠI

Bầu tinh người đời hay sự sự biến đổi.
Từ một địa-vị này chuyển sang một địa-
vị khác; mặc dầu được cao, được lợi hơn,
nhưng họ cũng thấy trong lòng họ náo
náo. Thậm chí một cô gái sắp về nhà chồng,
tức là sắp đến một cuộc đời mới mẻ, thế
mà cũng không thể dần được sự cảm động
đau lòng. Vì thế, một thi nhân phải bảo :
« Khóc như thiếu-nữ vu-quai nhật ».

(Khóc như người con gái về nhà chồng).

Nhưng, sự nhất sự biến đổi là hằng giữu
sang, nếu như dòng đời ngừng chảy, địa-
vị của họ mãi vững bèn thì họ sẽ vui cười
hỉ hả, thỏa thích không cùng. Song lẽ,
biến đổi là một định luật thiên-nhiên. Lòng
người dần thế nào được hợp nhất mãi mãi
với thiên-lý.

Trong đoạn, « Tam pháp ấn » của Tiểu
thừa-Pật-giáo đã xác nhận rằng : toàn cả
hiện tượng trong vũ-trụ đều biến đổi,
chẳng bao giờ thường trụ mới gọi là
« hành ». Biến đổi luôn luôn từ một trạng-
thái này đến một trạng-thái khác không
một lúc nào ngừng đọng lại, nên gọi là
« các hành vô thường ».

Luật vô thường ấy, theo đạo Phật, có
thể chia làm hai loại, từ khi sinh đến khi
chết, thì gọi là một « kỳ hạn vô thường » ;
và ở giữa khoảng nên, hư, sống, chết ấy,
mỗi phút đều có biến đổi, nên gọi là « sát
na vô thường ».

Cũng thế, một bóm đưng ngâm dòng
nước cuốn cuộn chảy, đức Phư-tử than
rằng :

« Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi ».
(Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ).

Lời ấy biểu lộ một quan-niệm của ngài

về vũ-trụ, tức là quan-niệm về sự « biến
đổi » mà đạo Nho gọi là « Dịch ».

« Sự biến thiên ấy, theo Khổng-tử là
kết quả của cái quá-trình chống đối của
hai lực - lượng tương - phản « Âm » và
« Dương », mà nguồn gốc trong « Lý Thái
Cực » ở kinh Dịch.

Kinh Dịch là gì ?

Là một quyển sách mà phần cốt yếu
chỉ gồm những phù hiệu, để biểu diễn về
biến hóa của vũ-trụ. Hai cái phù hiệu rất
đơn giản là : một vạch liền (—) thể cho Âm.
Dương, vạch đứt (- -) thể cho Âm.
Những vạch ấy thay đổi chồng chất lên
nhau tạo thành 64 quẻ để chỉ rõ lẽ biến
hóa xoay máy về đích mạng do tự hóa
án định.

Đối với lẽ biến thiên ấy, Héracrite, nhà
triết học ở Cổ Hy-lạp đã từng nói những lời
mà ngày nay nhiều người còn truyền tụng :

« Không thể lội xuống hai lần trong một
dòng sông mà cũng không thể lội xuống
một lần ; ta lội vào mà cũng không lội vào,
ta ở trong đó mà cũng không còn ở trong
đó nữa, vì nước vẫn tiếp tục thay đổi
luôn » (1).

Theo kiến giải ấy thì vật gì, cái gì cũng

TINH-TUY

TANG-THƯƠNG

QUANG-PHONG

biến động, biến hóa. Vũ-trụ vạn vật biến
động như dòng nước chảy triền miên trong
khe.

Luật biến đổi ấy, ta còn nhận thấy một
cách sâu xa rõ rệt hơn nữa.

Về địa chất học cho ta biết quá địa-
căn từ một khối lửa hùn mang biến chuyển
từ thời đại này đến thời đại khác, rồi
nguội dần mà sinh ra vạn vật.

Về xã-hội học và lịch-sử cho ta biết
chính-trị vẫn thay đổi. Từ thời cộng
đồng sinh-hoạt chuyển sang chế độ tư
trưởng, lại đến chế độ phong-kiến, rồi tư
bản...

Về vật-lý-học cho ta biết nước bị lạnh
ngưng đọng lại thành giá, nhưng khi gặp
lóng thành ra nước ; nước nóng bốc
thành hơi, hơi gặp khí lạnh thành mưa.

Như quả địa-ân, dòng nước, chính-trị,
chính ta cũng phải thay đổi. Nhà sinh-
lý-học đã xác nhận rằng : trong 7 năm,
những tế-bào của ta phải thay đổi một
lần. Ta hiện giờ, cả thân-thể và tư-tưởng
không cịn giống ta lúc còn trẻ trưởng
lên rồi ở vũng dăm hào rãnh nữa.

Cuộc biến đổi ấy rất có tuần tự và định
lệ. Chỉ riêng trong nhân-sự, thì cuộc biến

đổi có phần phức tạp hơn. Cũng như ái-
tình của đôi trai gái, giữa lúc đôi bên
tha-thiết nồng nàn yêu nhau, nhưng biết
đâu trong dạ đã sẵn chứa sự tạc lẹo phủ
phàng khi đã gần được thỏa mãn sự khao
khát.

Nhưng mà, ta bắt buộc họ phải thương
yêu tha-thiết nhau mãi làm sao được, một
khi sự sung-sướng của họ đã đến cực
điểm rồi.

« Dò sông, dò biển dễ dò,

« Nào ai bề thươc mà dò lòng người ».

Với câu ca dao ấy, phong nhân dễ nhận
thấy luôn luôn có sự đổi thay, thay đổi
trong lòng người. Và, vì sự phức-tạp, vô
tuần tự của cuộc « biến đổi » ở lòng con
người ấy, người ta không thể đo lường
được bằng sự sâu cạn to lớn cao xa đại
vấn của lòng sông đáy biển, của vũ-trụ
vẫn luôn biến hóa luân chuyển.

Thà nhận được cuộc biến đổi ấy, thì dù
trước cuộc « tang thương », ta có tự hỏi
kêu khóc than vãn, sâu khổ cũng hoài
công.

Định luật của vũ-trụ là thế. Lòng người
cũng vậy thế. Mãng say đắm tư tình là
muốn cho dòng đời ngừng chảy, vật nào
cũng bất di bất dịch để chiếm theo thị
đục của mình, thật là một điều xuân đoan.

Trầy Trừ-Lý, học - trò đức Khổng-tử,
người thời Xuân-thu chẳng phải có câu
than tiếc mình chưa được thỏa lòng người
con có hiếu, vì định luật « vô thường » :

(1) Il n'est pas possible de descendre deux
fois dans le même fleuve, il n'est pas même
possible d'y descendre une fois ; nous y entrons
et nous n'y entrons pas ; nous y sommes et
nous n'y sommes plus ; car les vagues où nous
pensions nous plonger sont déjà loin de nous.

« Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, con muốn ngủ, mà cha mẹ không còn sống », (Thư đặc tình nhi phong bất định, tử dục đương nhi thân bất tại — Gia-ông).

Người ta sinh ra, lớn lên rồi già, rồi chết. Lớp người này đã tàn, thì lớp khác lại tiếp lên. Cứ như vậy mãi theo một nhịp đều đặn của tạo hóa an định. Thời gian vẫn vùn vụt trôi đi như nước chảy dưới cầu; mà vật đổi, sao dời, mây bay, gió cuốn, nên biết bao thi nhân đã từng mẩn tiếc cho mái tóc đen của mình thời-gian sớm qua mà không bạc, không già.

« Trải qua một cuộc bể dâu, »
« Những điều trông thấy, mà đau đớn lòng », hay là :

« Lò cù nung nấu sự đời, »
« Bề trên vẫn cần vũ người tang thương », Ruộng dâu mà phải biến thành bề cỏ, là những cánh hoa chiếc lá thành sao khối được sự tàn tạ ử tử dưới gió nắng của đất trời:

« Phong trần đến cả sơn khê, »
« Tang thương đến cả hoa kia cỏ này »,

Vậy cuộc đời từ xưa đến nay không có gì là thường trụ, là bất di bất dịch cả. Nhưng có sao khi đứng trước một cuộc biến động xảy ra đủ to hay nhỏ, thì ta lại kêu réo, than vãn, rên rỉ... Thuận được chiến, ta reo hò hí hửng; nghịch chiến, ta tru tréo, khóc lóc. Rõ thật là một điều bi đát là cái lòng tham lam vô tận... mà lòng tham ấy chính là mẹ đẻ của các tính ghen ghét, nhưn nhợ, ngu dốt cho con người.

Mỗi cuộc biến cố xảy ra không phải do lòng ta muốn mà thành tựu hay do sức không muốn mà tan rã. Nó chính là một cuộc thử thách của loài người trong cuộc tiến bộ.

Alphonse Grun nói rằng :
« Trời đã muốn rang con đường mở bằng

lưỡi gươm phải ngồn ngồn những thây người » (Dieu a voulu que le chemin ouvert par l'épée fut jonché de morts).

Một câu nói tuy có vẻ hăm dọa tàn nhẫn, nhưng đã cho ta nhận thấy có một ý nghĩa sâu xa về cái định luật chung của trời, của tạo-hóa. Mà trước một sự kiện-thiết không bao giờ có thể tránh được sự long lay đổ vỡ:

Cái mầm biến dịch, con đường mở bằng lưỡi gươm ấy vẫn sâu chứa, sâu tung bả bất cứ ở đâu đâu.

Ta nên nhận rằng từ xưa đến nay không có một nước nào mạnh mà không có lúc yếu. Người ta tìm gặp sự thịnh vượng trong cảnh ease nhọc, và đi đến sự sụp đổ tại nạn nhất trong cảnh lười biếng an nhàn.

Một dân-tộc sử dĩ có một lịch sử về vang là do ở sự nỗ lực trong cảnh cực nhọc, trong những cuộc biến cố ngoại vi liên lạc...

Trên những cánh đồng phì nhiêu mà ngày nay con cháu được an nhàn toại hưởng, có biết dân các tiền nhân ta đã gieo rắc trên ấy bao nhiêu là mồ hôi nước mắt, là máu, là xương... vì định luật Tang-thương.

Song le, có tang-thương mới có tiến bộ!

QUANG-PHONG

T. B. C. N. số 240

sẽ ra ngày 25 Février 1945

CÓ NHIỀU BÀI KHẢO-CỨU

GIÁ-TRỊ

NHIỀU TRUYỆN MỚI VÀ

TRUYỆN CŨ THẬT HAY

BÚT CHÌ MARQUE « 2 cái đầu »

DOUBLE — HACHE

Đen, mềm hơn hết — Có bán ở khắp các hiệu sách lớn
HÒA-HỢP — 108bis HANG TRÔNG — HANOI, GIẤY NÓI: 448

TRUYỆN PHONG SỰ

ĐUỔI TÀ

của KIM-LÂN

Ông tư Nam ngồi sắp bằng hai tay ôm chiếc ấm bị thu vào lòng chỉ học nóng ở ấm nước mới pha chuyển sang cơ-thể. Về mặt tư - lý như đang ruồi theo một ý nghĩ gì luno luno. Nhưng thực ra ông chẳng nghĩ ngợi gì cả. Trong cái lém trơ-tịch dài dằng dặc na tinh lẻo này ông chỉ thấy trí mình sáng suốt và lòng lâng lâng thanh-thản. Về tình cảm rất tình-tương lâng lâng vào trong đầm lốt. Trong sai vô cùng thanh-mịch. Cứ đến tuổi này ông tưởng chừng như nghĩ được thấy cả cái chuugen vẫn lặng lẽ của năm cũ ra đi, năm mới đang đến.

Cần - trọng rồi một chén trà, ông tư Năm khoan thai nâng lên miệng uống từng hớp nhỏ. Hương trà bốc lên thơm phức và làn khói trắng mỏng mảnh tỏa lên mặt ấm áp dễ chịu. Trong cái đêm cuối năm khuya khoắt lạnh lẽo này, nóng một chén trà nóng, ông tư Năm thấy tâm-hồn sướng khoái lạ thường. Ông rung đùi cái tiếng ngâm thơ cổ :

« Sử-thế nhược đại mệnh
« Hồ vi lao kỳ sinh.



Giọng ông vang lên trong tịch-mịch tỏa-nghiêm thoang thoang hương trầm của gian-lam-báo. Những pho tượng âm-thầm trong ánh đèn dầu lạc mành, vọng bóng rạn rạn trên vách bởi ngọn gió lọt vào tưởng như đang ngời ngáy ngất thắm ấm.

« Sử-thế nhược đại mệnh
« Hồ vi lao kỳ sinh.

Ông tư Năm nhắc lại một lần nữa. L', cuộc đời nào khác chi giấc mộng lớn; việc gì mà phải gian lao, mệt mỏi. Ông tư hạnh nhờ đến mấy năm gian-lao vất vả trước.

Vốn là một thầy nho lỗi thời; đã bao nhiêu ông tư lang thang chốn quê, chốn khác có phen phiêu đại lên cả nắng xanh nước đục mong

đem đạo thánh hiền đối lấy mệnh ân. Nhưng ông không ngồi dậy học được ở đâu lấy ba tháng. Là vì vào cái thời này họ theo tay học cả. Rồi ông xoay nghề lang thuốc, nhưng ông trời vẫn hay chớ trên con người có chớ, mấy năm liền hàng họ 3 âm. Cái cảnh mạn nhện mắc đạo cầu chẳng bao lâu mà hủ lung vồn. Thế rồi ông lại lang thang; con người dài lưng lùn vãi ấy không quen với việc gồng thuê gánh mướn. Với chiếc khăn vãi tây đỏ thắm chèo buộc chặt lấy chiếc cháp son then, trong bụng một chiếc đĩa bần với mười lá số; ông tìm đất tìm cát, xem bói xem toán độ thắm;

Cái nghề lý số này cũng không dung ông lâu. Cuộc sống gặt gao hái ngũ đã sa thối nhả nhả rồi vụn thành một anh thầy cúng.

Làm bạn với lư, cảnh mà lại hóa ra thanh nhàn; ông tự Năm làm tự chùa Yên-Điền này kể đã hơn ba năm. Nhờ trời cũng may một chữ không đến nỗi lộn dận như hồi mấy năm về trước.

— Thưa ông với xong rồi đấy ạ.

Một câu bé đứng ngoài cửa vọng nói chỗ vào. Ông tự Năm quay ra nhẹ nhõm bảo:

— Đấy là lên trên này nhà. Ờ mà bảo các cậu ấy lên tất cả trên này mà làm cho vui.

— Vâng ạ.

Một lát sau bốn cậu nhỏ, mặt mũi khôi ngô, miệng mặc áo lụa mùa gặt đỏ cổ in dấu nhà phật. Đầu một cậu nhỏ bóng có chiếc hồng mao Cờ nhàn rả xuống lưng như những câu liêu-đông. Mỗi cậu mang một thứ, nhanh nhẹn bước vào. Đó là những cậu nhà oản của thầy tự, theo lệ dân ở làng này: con trai cứ đến 15 tuổi thì dân trọn lấy bốn cậu nhà oản nhẹn sinh sẵn cả ra giúp việc ông tự trong việc đuổi tà ngày Tết.

Các cậu lẫm lẫm bằng các thức xuống chiếu dưới: một mâm gạo trắng, một đĩa muối, hai đĩa xôi, một con gà sống luộc chín đang ửng ửng theo hình con phượng, ở mõ có cắm một chiếc hoa hồng, và một thùng toán những thanh tre vót nhọn.

— Đủ cả đấy chứ?

— Đủ cả đấy ạ.

— Một cậu mới cho tôi một đĩa mực, một cậu mới cho tôi một đĩa sơn nhẽ.

— Vâng.

— Còn chỗ gạo hai cậu đã lẫn muối vào chộn cho ăn, rồi súc ra bốn đĩa con.

Cải việc xong ông tự lẫm lẫm ngồi uống nước, ờ ờ như còn đang mãi say-tưởng những chuyện đầu đàn. Trong khi ấy bốn cậu cầm cái làm việc. Tiếng mài mực ri-ri, tiếng mài sơn ịch ịch bật lên trong yên, thanh, đúng với câu: « Mài

mực ru con, mài sơn đánh giặc ». Còn hai cậu kia vừa trộn gạo với muối vừa thì thầm nói chuyện với nhau.

Số gạo đó do ông tự Năm và bốn cậu nhà oản đi quặng khắp cả một nhà trong làng suốt cả buổi chiều hôm ba mươi Tết! Vốn là cái tục cổ-huyền của dân, năm thầy trò ông tự đến nhà ai cũng chỉ nói rậm ba câu chuyện xuống về Tết nhất là người nhà ấy súc một bát gạo đầy và một chén muối ra cúng nhà chủa ngay. Đã

là giàu hay nghèo ai cũng cúng một cách vui vẻ coi như một bữa-phận. Là vì số gạo muối cúng đầy không phải vì tư-lợi mà ông tự đi khuyếch. Nó ừ ừ dâng vào việc đuổi tà đầu năm, có ảnh hưởng đến sự thịnh-đạt, sự-voi của cả dân làng sang năm mới tới đây.

Hai cậu nhà oản mài xong sơn, mực đưa cho ông tự.

— Thưa xong rồi đấy ạ.

Rồi một cậu nhanh nhẹn đem thùng đựng những thanh tre lại gần. Ông tự Năm rút chiếc kính lão đeo lồng thông trước ngực, khoan - khai đeo lên mắt. Đoạn ông nhích cây đèn gần, nhón con béc cao hém cho sáng; ông lấy một thanh tre lớn đặt lên cháp, lần ngòi bút lông vào nghiền mực mấy lần rồi nắn nốt viết lên lòng thanh tre những chữ nhón, chữ nhỏ nét đậm và sắc. Viết xong, ông lại về ngoài ngoài để

lên, lợp mực rồi lợp sơn. Theo cái đạo viết rồi lại xóa của Lão-Tử. Thành một đạo bùa. Ông viết luôn một lúc xong bốn đạo « bùa cái » trên bốn thanh tre lớn. Ông lại viết đến những đạo « bùa con » trên những thanh tre nhỏ. Bốn các cậu nhà oản đã hết việc đứng xem ngấp nghé sau lưng ông tự Năm.

Ông tự Năm chăm chỉ, kiên-nhẫn ngồi vẽ hết đạo bùa này sang đạo bùa khác. Đột lúc lại ngừng tay uống một chén nước, hoặc rít một hơi thuốc lá cho đỡ mỏi.

Đêm đã khuya, trời càng thêm lạnh lẽo. Cảnh vật cũng chìm lặng, tĩnh-mạc hơn. Theo tiếng gió gù gù, có tiếng vịt kêu thất-thanh và tiếng khảnh ở bốn đạo chùa khua thắm trong đêm tối.

Mấy cậu nhà oản đã ngủ ngáy ngổn cả dưới chiếu; có cậu dựa cả vào cột mà ngủ. Tiếng ngáy đều đều của tuổi đang sức ăn sức ngủ. Ông tự vẫn hệt hoáy vẽ.

Khi đã về xong đã một trăm linh tám đạo « bùa con », thì cũng đã gần đến giờ giao thừa.

Ông tự Năm thu xếp đồ đạc. Bật chiếc khăn lụa đỏ lên đầu che kín cả hai tai, và kéo thẳng đôi bi-tất vàng soạn-seo dưới chân cho ấm. Rồi ông ngồi-ngờ đứng dậy, đánh thức mấy cậu nhà oản.

— Đậy! Đậy! Đậy ra đèn mau.

Mấy cậu nhà oản oản oại mãi mới dậy được. Họ ngồi thờ ra, về mặt mặt nhọc bởi giấc ngủ do dưng.

— Các cậu uống nước đi rồi còn ra, đến tay giờ chẳng muộn.

Uống nước xong, nghe trong người đã tỉnh táo, mấy cậu nhà oản vui vẻ với cái tuổi độ lo vô tư của họ. Ai nấy ợt nhanh nhẹn làm việc. Cậu đội thùng bùa tre, cậu đội mâm gạo muối, theo ông tự ra khố chùa.

Gió hun hút vào trong con đường gồ ghề tối tăm có tre mọc hai bên. Anh đèn dầu lạc ở tay ông tự chỉ đủ tỏa ra một vầng sáng nhỏ hẹp, yếu ớt. Lặng xóm đều yên lặng. Bốn cậu thì đầy đặc menh mông như một biển mực. Mấy thầy trò ông tự đi sát vào nhau cho ấm. Từ lúc những tiếng chữ bi-ré công nọ ba mươi Tết tắt hẳn, mọi người như yên lặng, kính-cầu đón chờ cái năm mới rõ-ràng.

Đền đền ông tự Năm trao chiếc đèn cho cậu nhà oản, rồi sẵn bước tiến lên trước. Một tay cầm kiếm gỗ, một tay cầm cây gậy tâm-sích, mắt nhìn thăm thẳm về phía trước như soi mói trong khoảng không những hình-ảnh vô-hình, ông tự sấm sấm tiến vào trong đền. Cầm cây gậy tâm-sích vào chiếc giá đặt trước hương án.

Ông tự Năm tay bắt quyết, miệng hô như quát tháo, ông chạy rầm rầm đã bốn cậu nhà oản chia ra bốn nơi ném gạo muối tứ tung. Và ông từ đó chờ sẵn từ trước khuai chiêng, trống ầm ầm. Bỗng ông tự Năm hăm hập chạy ra ngoài sân đền. Bốn cậu nhà oản vội chạy theo ném gạo muối.

Ông tự miệng quát tháo, tay bắt quyết và giờ năm hương thư-phù lên năm trời. Đóm lửa đỏ vạc những nét ngoằn ngoèo trong bóng tối. Bốn cậu nhà oản chia nhau đựng bốn chiếc búa bên bốn cột cái như tiền tế.

Xong công việc, ông tự Năm mới đổi nét mặt nghiêm-nghị ra vui vẻ, thông-thả, lên đèn. Ông từ đó đứng đón sẵn trên thềm. Lúc bấy giờ hai người mới vui-vẻ chào nhau chúc mừng năm mới.

Ông từ trình - trọng đổi một bánh pháo giao-hừa. Tiếng pháo nổ rầm rầm, ánh điện - quang lượn - sa trong bóng tối. Đoạn ông từ vào hạ cổ lễ thờ, cùng ông tự uống chén rượu mừng xuân, nói chuyện về thời-tiết năm mới.

Gió đưa khói pháo tại vào thơm phức. Trong lúc bên ngoài tối tăm lạnh lẽo, ngồi uống chén rượu đêm ở chỗ ấm áp có làn mùi hương trầm và khói pháo, họ thấy

ngày ngất như có chất men
uẩn phùng phùng trong
huyết quản.

Tiếng pháo của các tư-
gia cũng bắt đầu nổ tiếp
nhau nổ rạn trong đêm tối.
Tất cả nhân-gian như đang
ngủ mê-mah bỗng đều sức
thức dậy tung bừng đón
xuân.

■

Trời đã bớt lạnh: gió
cũng hiền-từ hơn. Ánh sáng
lọc qua làn mây loang như
nhờ trắng như màn bạc cũ.
Khí tiết ấm áp dễ chịu. Vừa
độ cho hàng người nghèo
khó không lo áo rét; mà
người giàu cũng có thể lướt
là mềm kếp được. Cảnh vật
như thấm-nhuyễn một ngồn
sống mới mẻ. Mấy cây đại
hai bên hồ đã nở hoa
lả. Những búp non hồng
hào mẫm mập vươn lên
hóp lẩy ánh sáng, lẩy khi
trời. Trẻ con hơn bỏ tương
áo mới, sự sung sướng bỗng
bật, hồn nhiên trên nét mặt
ngày thơ. Tiếng chúng nó
vang vang trong gió. Đôi
lúa những sắc pháo hồng
bay tung lên như muôn
nghìn bóng hoa đỏ quần quít
cả vào những lá đo mồi.
Hàng lớn hơn thì tùm nham
tùm ba mẹ mần với quần
bạt. Những cô gái đến thì
c lại trong áo mới theo mẹ ra
đón lễ thờ với một niềm
vui kín đáo. Những cậu
trai hành-dien với điệu huân
là phẩm phè trên môi. Các
bố lão mất đồ gậy hồ hã

học ngày say túy lúy. Ai
ai cũng vui. Tất cả những
vở đậm chiều vì cuộc sống
hàng ngày không còn vương
trên nét mặt họ lúc này.
Một bầu không-khí dễ-huân
nà thần miễn. Chủ nợ gặp
người vay họ đã thành-thật
đẹp. Và lại người nhà quê,
trước. Thanh thật vô vấp
nhau, thành thật chúc tụng
nhau muốn nghĩa sự tốt
đẹp. Và lại người nhà quê,
vội cái tâm-hồn chất-phác:
hề cứ có rượu, có thịt là
vui. Vui cho thỏa thuê cả
năm cần-cà vất vả.

Ông tự Năm cũng vui với
cái nhịp vui của mọi người.
Ông lặng sáng sủa sắc công
việc lập đàn đờn là dần
năm. Đàn thiêu-lập ngẫu
giữa sân đền, cũng không
khác đàn cúng quan-ên
ngày hè mấy. Trên chiếc
hương án sơn son thếp vàng
đặt những mũ giấy, lớn cổ,
nhỏ cổ. Bên hai cây vàng
cây bạc bằng giấy trang
kim sáng chói, một mâm
gạo muối, một mâm búp
tre và những đồ lễ chay
khác. Trước hương án nằm
một cành phan là một cành
tre đã cắt lá, có giũa một
đeo lớn như giấy vàng đóng
đầu sơn đỏ chói. Hai bên
đàn đặt hai chiếc thuyền
mà có những người hình
nhân bé nhỏ cầm lái. Người
làng Văn-Điền này gọi là
hai cái chài.

Tiếng trống bắt đầu rạo
rạo cùng tiếng chầm chạp.

Rồi mỗi lúc một mau một
rộn rã thêm. Bọn trẻ đã bỏ
chơi đồ số lại xem. Chúng
đứng xung quanh bàn lán
nhiều lúc đột-nhiên cười
rồ lên.

Ông tự Năm không để ý
gì đến bên ngoài. Tay gõ
trống, miệng ừ-a tụng niệm.
Cái vẻ hớn-hở ban này đã
mặt trên mặt người tự bất
dắc chỉ ấy. Nét mặt rắn
rắn và uể-oải. Cái vẻ ông
đang làm đây không ngớt
nghĩa đồ cơm, chẳng hững
thủ gì.

Bên cạnh nhà oản lác-chục
ngay bên hương án sấn sọc
đàn nhang. Mấy ông kỳ-
hào rong dãn ra lễ rồi ch-
lễ lăm lăm nói chuyện gẫu.
Năm ba sùng đạo cũng đem
vàng hương ra cúng, người
cả chiếc dưới, nhai trầu
bỏm bẻm bàn bạc vọc
chầy hội hàng năm. Ở về
mặt, ở giọng nói ăn một
niềm tin-ngưỡng và đã chất
hạnh-diện sự mát mặt của
minh? Đây phần nhiều là
những bà lý, bà chánh.

Mặt trời đã lặn đến đỉnh
đầu. Làn mây trắng đục
khí này rần rần mờ rờ, ánh
nắng vàng phơn phớt toả
sáng, hơi oi ả. Nhưng
lại có những làn gió lạnh
lạnh để chịu. Tiếng pháo
trong làng đã thưa thớt hơn
ban sáng. Ngày lễ ai cũng
rời rã nên xung quanh
đàn người đổ đến xem
rất đông.

Ông tự Năm đứng dậy,
thất lên đầu một chiếc
khăn nhiễu đưa buộc thông
mở rìa. Tay bắt quỳ, chân
rậm thỉnh thỉnh xuống đất,
miệng quát tháo âm ỹ, một
trợn trừng trợn trạc một
cách dữ ợn như nạt ai.
Rồi ông khoan lên dạo bùa
trên cành phan, lên bùa tre,
lên đất cả mọi nơi.

Trẻ con rạt về một phía
reo vang lên. Mấy ông đàn
ai trên đền cũng ngừng
các chuyện phiếm thông dưng
trở ra. Các bà đều đứng
lặng vãi lư vãi lư.

Nằm bó hương xuống đất,
ông tự lặng lẽ trao bốn đạo
bùa cõi cho bốn cậu nhà
oản, con những bùa con
ông ném xuống ra bốn phía.
Người xem số lại tranh
chớp hỗn loạn, kêu oai oái.

Xong cái lễ « trịch tượng »,
ông tự Năm nhổ bật cành
phan lên. Đồng thời mấy
bác tuần đứng chờ sẵn bên
ngoài cũng sẵn tay chài mần
gạo muối vọc chiếc rô con
mang theo, cầm lăm lăm
ở tay. Hết to lên mấy tiếng
nữa, ông tự cầm cành phan
chạy ra ngoài đường cái.
Bốn cậu nhà oán với bốn
chiếc « bùa cái » cũng lẻo
đẻo theo sau. Mấy bác tuần
vừa quát vừa ném gạo muối
đuổi. Trẻ con, người nhớn
á á theo sau reo hò âm ỹ.
Có người lượm đất, gạch
ném theo nữa. Họ tin như
thế là đang trục-xuất ma
đổi ma khát ra khỏi làng

năm mới đây dân làng làm
ăn mới thịnh-đạt.

Đám người rừng rậm số
đuổi nhau trên con đường
nhỏ hẹp, gồ ghề bụi thang.
rướm ra những tre phèo,
bụi rậm. Họ ồn ào, hỗn
loạn như đuổi giặc.

Những người đi lễ lễ,
đi hát lộc, đi lễ chùa gặp
bọn đuổi là nẩy dĩa đang
núp ra rìa đường cho họ
đi.

Đến mỗi cổng làng, ông
tự Năm lại dâng lên một
thanh « bùa cái » trên tay
một cậu nhà oán, cầm xuống
đất. Người ta vội tìm một
viên gạch vỡ đập cho sâu
xuống.

Chạy hết một vòng quanh
làng, cầm au bốn đạo bùa
trước cổng chính. Ông
tự Năm trở về đền vào trãng
ngay trước cửa võng lễ
thánh xong rồi mới ra lễ
tạ tạ lễ đàn.

Lúc ấy đã xế chiều, gió
lạnh hơn. Sương trắng sơn
ương trong bụi rậm.

Ở ngõ xóm Tây mấy bà
lên chùa đứng lại nói chuyện

văn với bà lý trong khi
bà này bế cậu con quỳ
chỉ chỗ vào hai bức tranh
loè loẹt, ông tựa tai và ông
tiềm lộc dãn trên cánh cổng
rêu mốc, thì cậu con ăn
cơm. Một bà mần me chiếc
bà tre đeo lưng lẳng ở
ngực cậu bé như bài ngà:

— Ở cậu Khôi có cái bùa
đẹp nhì, cho chị xin nào.

Cậu bé uốn người ra đằng
sau nhè mồm ra khọc. Một
bà khác nhanh mồm chỉ
cây nêu cao sát gần cổng
có năm lông gà phe phẩy
trên-nên trời sớm đục gi d:

— Kia! kia! Cây nêu nhà
ta đẹp chửa cậu Khôi kia

Bà lý mắng gạ con:
— Nín đi! Con trai con
đưa gì lại xâu thôi thế. Năm
mới tã khóc lại rằng cả năm
thời.

Một bà nhỏ cổ trầu đục sệt
xuống đất, và đưa hai ngón
tay khoanh vòng trên môi
môi tươi. Rồi bỗng một
giọng tin-ngưỡng bà thì
thăm:

— Này đeo bùa nghiệm
đạo đó đây bà ợ. Ma trẻ
quỷ hờn đây! Ma trẻ mỗ,
nói đại nhờ có sai đen, mới
ra cho uống nghiệm đạo đây.

Mấy bà từ-giã bà lý lăm
chưa. Bên đường vô số trẻ
con đeo bùa trước ngực;
Một bà phàn nàn:

— Năm nay, nhà tôi chẳng
nó lại không cướp được
chiếc nào. Tiếc quá!

KIM-LÂN

**SÂM NHUNG
BÁCH BÒ**
Hồng - Khê
Đại bộ khế-huyết
Dễ tiêu-hóa. Lợi sạch-dục
Mỗi hộp 3p.00
75, HÀNG BÒ-HANOI

CHIẾN-TRANH GIẾT HẠI NGƯỜI

NHƯNG

GIÚP CHO KHOA HỌC TIẾN-BỘ HƠN

NG-TƯ LUYỆN

Khoa-học là một khu vườn cấm rậm rạp của chúng cả nhân loại. Ở sáng-chế của loài người là người làm vườn. Kể từ lúc khai thiên lập địa đến nay khu vườn cấm kia đã có bao nhiêu kẻ làm-vườn hiểu kỹ xẻo-xáo để mong tìm ra những thứ hoa thơm có lạ thường bị giấu kín dưới những bụi cây um-tùm. Loài người càng tiến bước thì khu vườn cấm càng có nhiều người khai khẩn và những cái mới lạ tìm thấy trong vườn càng nhiều hơn. Nhờ vào những hoa thơm quả quý trong vườn khoa học mà loài người đã vượt qua được bao nhiêu sự khó khăn, thắng được trong nhiều trận chiến đấu với tạo vật, đánh đổ được biết bao trở lực gặp trên đường đời. Khu vườn khoa-học càng mở rộng bao nhiêu và càng chứa được nhiều thứ mới lạ thì loài người càng vững-mạnh hơn và càng sống một cách dễ dàng và đầy đủ hơn.

Trải qua bao nhiêu thế kỷ, óc sáng chế và quan-sát của loài người đã luôn luôn làm việc không ngừng, những cuộc tìm tòi, phát minh không thời nào là không có, những công tiến sâu bao nhiêu thì người ta càng thấy vườn khoa học: menh mông, và những sự mới lạ càng tìm càng thấy nhiều hơn. Trong hoa năm năm vừa qua, loài người đã gặp một tai họa ghê gớm nhất: ngọn lửa chiến tranh lúc đầu nhốm ở một vài nơi đã lan rộng gần khắp các miền trù mật trên thế giới. Nhân loại luôn luôn sống trong sự khổ đau, nghèo nàn. Vì những

trường hợp khó khăn do chiến tranh gây nên mà đời sống ngày nay là một đời sống đặc biệt hạn chế đến cực điểm. Các đường giao thông trên thế giới đều bị nghẽn hoặc chỉ để dành riêng về chiến tranh cho các nước tham chiến mà thôi. Do đó, các cuộc trao đổi về kinh tế đều bị đình hoãn và dân các nước, các miền trên thế giới chỉ có thể sống bằng những sản vật và những đồ chế tạo sẵn có trong nước. Các nhà xuất-sản về nguyên liệu hoặc kỹ nghệ cũng chỉ cung cấp cho các nhà tiêu thụ một phần ít số xuất sản của mình. Chiến tranh đã chiếm hết đa số nguyên liệu và nhân công trên thế giới. Muốn sống trong lúc khó khăn này, không những người ta phải tiết kiệm, hạn chế số tiêu thụ được chừng nào càng hay mà còn phải luôn luôn cố gắng để vượt qua hết mọi trở lực. Sự cố gắng hàng ngày trong lúc này có hai cái lợi: một là giúp cho sự sống hai là giúp cho óc sáng-chế phải tìm tòi ra những thứ có thể thay được những vật liệu hiện tại thiếu thốn vì tình thế. Thế là vì chiến tranh mà óc sáng chế phải làm việc nhiều hơn và các cuộc phát minh cũng do đó mà gấp lên hơn trong lúc hòa bình. Phải chăng đó là một ảnh hưởng tốt của chiến tranh đối với khoa học?

Thế-kỷ hai-mươi là thế-kỷ các con số

Theo một bài của Albert Mousset đăng trong một số báo "Journal de Shanghai" gần đây thì người ta thường gọi thế kỷ thứ 17 là thế kỷ rất tự (siècle de l'ordre), thế kỷ 18 là thế kỷ ánh sáng (siècle de la lumière), thế kỷ 19 là thế kỷ sang chế (siècle de l'invention). Nếu ta xét về nửa đầu thế kỷ 20 đã qua thì có thể gọi thế kỷ này là thế kỷ các con số (siècle du nombre).

Tất cả những bậc lớn lao mà loài người đã từng biết trong bao nhiêu ngàn năm nay, người ta đều đã vượt qua. Nhà thiên-văn học tinh tường năm ánh sáng (annee lumineuse), nhà vật lý học đã đặt ra nhiều đơn vị mới như theorie, dyne, erg v. v. để chỉ và đo những cái lớn nhất hoặc nhỏ nhất trong thế gian. Xưa kia, Pascal đã cho "ciron" là vật nhỏ nhất trong tạo hóa nhưng ngày nay các nhà bác học đã tìm ra rằng nguyên tử của chất kim loại chỉ cân nặng bằng một phần triệu milligramme. Theo sự tiến bộ của khoa học, trong mấy mươi năm đầu thế kỷ 20 này, người ta đã thấy biết bao kỷ-lực tiếp tục nhau rất nhanh chóng đến nỗi có kẻ dự đoán rằng những sự tiến bộ về mặt chuyên môn đã sắp đến tăng cao tới cực. Cứ xem một sự tiến bộ về nghệ hàng-không thì đủ

rõ. Trong khoảng hơn 20 năm nay, nghệ đó đã bước được một bước khá dài. Từ chiếc phi-cơ thứ nhất bay qua bờ Manche cho đến chiếc phi-cơ bốn động cơ bay qua Đại-tây-dương hoặc Thái-bình-dương và các pháo đài bay ngày nay, người ta đã vượt qua biết bao thành tích. Rồi đến sau cuộc thế-giới đại chiến này, nghệ hàng-không biết còn tiến bộ đến bậc nào. Không ai đoán được.

Nói tóm lại, khoa học, nghệ cơ khí và nền kinh-tế ngày nay đã tiến bộ quá nhanh đến nỗi nhiều sự phát-minh mới trong các phạm vi đó không đặt kịp tên để gọi.

Cuộc chiến tranh ngày nay lại làm cho chúng ta được trông thấy nhiều sự mới lạ và lập được nhiều kỷ-lực chưa từng có. Số quân lính và chiến-tụ mà các nước tham chiến đưa ra trận địa; trong lịch-sử chiến tranh chưa bao giờ thấy. Số xuất-sản kỹ-nghệ để cung cấp cho chiến tranh, mấy năm trước đây không một nhà chuyên-môn nào tưởng-tượng được. Lại những sự tàn phá nhà cửa trong các thị trấn, số thiệt hại về sinh mệnh và tài sản do cuộc chiến tranh này gây nên, nếu đem so sánh với các cuộc chiến tranh từ trước đến nay, thì thực là một giới một vực.

Như thế ta có thể nói rằng, về tất cả các phương diện trong đời sống tối tân ở thế-

Bù thứ đồ chơi gia-đình, giáo-dục,
khoa-học, thể-thao, bán buôn bán lẻ tại:

INDO JOUETS

35, Hàng Gai — HANOI

Giám - đốc chủ - nhân : Nguyễn hữu HƯNG

ky này, các con số đã làm đảo lộn cả những lý luận và dự định từ trước.

Trong nửa đầu thế kỷ 20, sự điên đảo của loài người đã gây nên hai cuộc chiến tranh ghê gớm và khốc liệt nhất từ xưa đến nay, liên người ta có thể hi-vọng rằng phần thứ hai thế kỷ này sẽ được yên ổn, thái bình hơn và một cuộc phục hưng tinh thần nhân loại sẽ đẹp hơn những cơn sóng gió trên mặt đất — đầu cuộc tiến hóa của loài người có vẻ đã ma bị dịch trở một vài phần chẳng nữa.

Những sự phát minh mới về y-khoa

Từ mấy chục năm nay, và nhất là mấy năm gần đây, những sự phát minh về các môn khoa học rất nhiều, trong một bài báo này không sao kể xiết được. Nỗ lực chiến tranh đã giúp cho các nhà bác học nghiên cứu và phát minh được nhiều điều mới lạ về khoa học giết người thì chiến tranh cũng là một dịp tốt cho công cuộc tìm tòi của các nhà y-học.

Bên cạnh những thứ khí giới và chiến cụ giết người tối tân như phi cơ không hồn tiêu, bom tự động, phi cơ học sắt, chiến xa chỉ huy bằng vô tuyến - điện, những hạng bom không lộ hàng tấn có thể phá được cả một khu nhà cửa ra gió và bao nhiêu thứ khí giới ghê gớm khác nữa, các nhà bác học đã đồng thời chế ra được nhiều thứ thuốc của người rất linh nghiệm và nhiều thứ máy móc giúp cho sự sống được dễ dàng thêm.

Trong các sự phát minh về y-khoa gần đây, ta phải kể đến thứ thuốc tiêm (sérum) từ bệnh sốt rất typhoide của giáo sư Vincent. Chính giáo sư này là người đã phát minh ra thứ thuốc tiêm để phòng (Vaccin) bệnh typhoide từ cuộc chiến tranh trước. Không có thứ thuốc để phòng đó thì, theo lời thống-chế Foch—các quân đội đồng minh không thể nào đi đến sự thắng lợi cuối cùng được. Thuốc tiêm từ bệnh typhoide lấy ở máu ngựa đã có tiêm thuốc trừ bệnh đi rồi, nhưng vì hiện nay không có đủ số ngựa để chế thứ serum đó nên sự phát minh này cũng còn ở trong thời kỳ thí nghiệm mà thôi.

Người ta lại phải nói đến các thứ thuốc gọi là sulfamide như «Dagénan» chẳng hạn là những thứ thuốc linh nghiệm trong lúc chiến tranh này đã cứu được bao nhiêu người bị mắc các chứng bệnh như bệnh tinh và các trẻ con bị bệnh bại (poliomyélite).

Theo «báo «Voilà la France de ce mois» cuối năm 1949 thì gần đây người ta vừa tìm được một cách chữa bệnh này bằng những tiếng động rất nhanh (ultra-sons) nghĩa là những làn sóng động mỗi giây đồng hồ tới 15.000 lần và tại người ta không thể nào nghe được. Trong mấy năm gần đây, trong các phòng thí nghiệm ở Đức người ta đã thí nghiệm nhiều lần về việc dùng thứ tiếng động nhanh đó để chữa bệnh, không những cho các giống vật mà cả cho người ta nữa. Nhờ thứ bệnh từ trước đây nay cho là nan y đầu được chữa khỏi

trong một vài tuần lễ. Cách chữa bệnh này, mới tìm ra, chưa đến khi nghiên cứu kỹ hơn sẽ giúp được nhiều việc cho y khoa.

Các sự phát minh mới về vật-lý-học

Khoa học không những tiến bộ về y khoa mà thôi mà còn cả về các khoa khác nữa. Chính nhờ các sự tìm tòi của các nhà bác-học mà trong lúc khó khăn này chúng ta có thể sống qua ngày được.

Các nhà bác học đã tìm ra nhiều cách để thay vào các thứ đồ ăn bị thiếu thốn. Trong các xứ vùng đói và hạn hán, khi mùa rét đến nơi, vấn đề than củi để sưởi và điện để thắp đèn công là những vấn đề rất cần kíp.

1.) Thu điện trên giới. — Theo một bài đăng trong báo «Petit Journal» của M. Ar themay thì gần đây các nhà bác học đã tìm được cách lấy điện trên giới trong khi có cơn giông tố và sấm sét, chớp cở thấp dần, đồ lửa và quay máy. Nói như thế chắc nhiều người cho là câu chuyện hoang đường. Thực ra thì loài người đã biết dùng điện của Thiên-lôi để làm việc cho mình. Hiện ở trong miền Tessin ở Thụy-sĩ trên ngọn núi Générèse đã đặt một nhà máy để thu điện của giới khi có sấm sét. Máy thu điện giới gồm có những giây dẫn điện trên không treo vào những cột cao giống trên đỉnh núi và có những

thứ không dẫn điện che dầy. Máy đó có thể thu được những luồng chớp, những ngoại lực điện khá mạnh, dài tới 18 thước bằng một luồng điện 14 triệu volts.

Người Mỹ cũng đã chế được một bộ máy thu điện giới dùng những giây nối các bánh xe bằng lụa, máy này có thể thu được 15 triệu volts. Các nhà kỹ sư Đức đã tìm được cách đo điện trên giới và tìm ra rằng những luồng điện đó có thể mạnh tới 20.000 ampères nghĩa là 4 triệu kilowatts, bằng 500 triệu mã-lực.

2.) Điện ở xung quanh chúng ta. — Năng điện trên giới không phải lúc nào cũng có nhiều. Chỉ khi nào có cơn giông thì mới có sấm chớp. Trong rừng không khí ở xung quanh chúng ta, lại còn có các điện, ta có thể gọi đó là một cái hồ điện của ta. Trong một thước ở giữa đồng bằng nên dùng máy đo điện mà đo thì có tới 309 volts, trong 2 thước thì có 600 volts và càng rộng số điện càng nhiều hơn.

Một người đứng từ đầu đến chân cũng có tới 500 volts, khi người ta nằm xuống thì điện đó không có nữa, do là một nguyên nhân làm cho người ta ngủ (theo một sự phát minh gần đây). Ở nhiều nơi, luồng điện rất mạnh. N ở trong một vài khu trên cao-nguyên Lannemizan (Pháp) không thể nào bắc được giây điện: Trong các miền ở Pháp nhưng miền sau này ta có thể dễ thu điện của giới hơn cả: Nord, Ardennes, Vosges, Morvan, cao

CÓ ĐẠI của TÔ-HOÀI là tập kỷ-ức thành-thật về thanh-niên Việt-Nam ở thộn quê mà các nhà giáo-dục và các bạn thanh-niên đều nên đọc

Giá ngoài Bắc: 5 \$ 80 — Giá trong Nam: 6 \$ 50

Còn một H: **TRẦN-DƯƠNG-NGHỆ-THUẬT** của VŨ-NGỌC-PHAN

Giá ngoài Bắc: 3 \$ 00 — Giá trong Nam: 3 \$ 60

NHÀ XUẤT - BẢN HÀ - NỘI — TRẠI - HÀ - ÁP — HÀ NỘI

— Dưới chân núi Mã-Yên, đời bạn tri-âm BÀ-NHÀ TỬ-KỶ đã gặp nhau ở bên sông... chỉ vì tiếng đàn huyền diệu! — Rồi cũng ở bên rìa... một nhà thơ sau, đời bạn đã lỡ lời! — BÀ-NHÀ cũng đốt đình trên sông... để khoe người tri-kỷ...

Muốn biết rõ đời bạn tri-kỷ hãy xin các bạn hãy tìm đọc cuốn:

BÀ-NHÀ TỬ-KỶ

CA KỊCH LỊCH SỬ CỦA SỸ-TIÊN. — GIÁ 2 \$ 50

nguyên Millévalche, Vendée, Landes, cao nguyên Languedoc và phần lớn xứ Provence. Người ta có thể dự định đặt những máy thu điện gồm những lớp giấy đặt ngang đầu số những mũi nhọn thu điện ở trên sườn núi Ventoux hoặc trong miền núi Alpes. Điện thu như thế này trước khi đem dùng phải cho chạy qua vào máy chứa điện. Người ta còn có thể dùng máy thu lôi và những máy thay điện để có ngay lưỡng điện như ta thường thấy. Nhưng về phương diện này hiện đang ở trong thời kỳ thí nghiệm, chưa thể thực hành được.

3.) Dùng sức gió để thắp đèn. — Nền không có điện của sấm sét, thì người ta có thể tạm dùng sức gió để thắp đèn. Nhiều người nghe nói thế chắc cho là một mộng tưởng nhưng theo một bài của báo «le Petit Journal» thì vấn đề đó hiện đang nghiên cứu và sắp thực hiện. Gần đây, các nhà bác học và kỹ sư nghiên cứu về phi cơ tìm cách đóng phi cơ thế nào để có thể bay cho nhanh hơn, vì đó mà người ta đã tìm ra cách dùng sức gió để chạy máy như người đời xưa dùng gió để quay cối xay. Một bộ chân vịt của phi cơ có thể quay chạy một bộ máy sinh điện, nhờ đó mà có thể lấy điện và thu vào những bộ máy chứa điện để dành đến lúc không có gió sẽ đem dùng.

Bộ máy lại có một cái bánh lái có thể giữ cho máy đứng ngoài gió và một cái máy để giảm tốc lực nếu gặp luồng gió mạnh quá. Hiện ở xứ Algérie, trong những khu trại ở xa thành phố đã có đặt những bộ máy sinh điện bằng sức gió để lấy điện thắp đèn và chạy các thứ máy nhỏ như máy cưa, máy bơm nước v.v.

Ở Pháp, tốc lực gió chỉ độ 4,5 thước một giây đồng hồ, người ta đang nghĩ cách chế ra những bộ máy điện dùng ở có gió yếu độ từ 3 thước gió xuống để cho chạy.

Trước cuộc chiến tranh này, ở Hoa-kỳ, người ta đã dự định đặt một bộ máy trên cao 600 thước có những máy chân vịt có thể sinh 100 000 kilowatts.

Ở Đức người ta đã dự định chế một bộ máy điện bằng sức không khí có thể sinh 20 000 kilowatts trên một chòi cao 250 thước.

Như thế thì gió cũng có thể giúp ích cho ta như sấm, sét, chớp vậy.

4.) Lọc nước biển để uống. — Đây là một điều phát-minh do các trường hợp chiến tranh gây nên. Tây nhiều nhà hàng-hải, hàng-không và các hành khách đi tàu bè bị đánh đắm ở giữa bể không có nước ngọt uống, giáo sư Solmer, giảng hóa học ở trường Đại học Minnesota (Mỹ) vừa chế ra một thứ máy nhỏ để lọc nước bể. Máy lọc này chạy bằng sức nóng trong thân thể người ta. Máy này rất giản dị, chỉ gồm một cái nồi «súp de» nhỏ bằng đồng mỏng do một cái giấy da quấn vào người. Khi muốn lọc nước bể người ta chỉ việc lấy tay bơm hơi để giảm áp-lực ở trong nồi «súp de» đồng, trong lúc đó thì máy lấy nước nhúng vào nước bể. Khi áp-lực trong nồi đã giảm bớt thì nhiệt độ trong người ta (37 độ) có thể làm sôi được nước trong nồi. Nước bề nhiệt độ chỉ 20 đến 25 độ có thể giữ cho máy làm đông hơi đủ lạnh để cho hơi nước bốc lên.

Máy này cứu sống cho nhiều người đi bể gặp nạn đắm tàu mà không sẵn có nước ngọt để uống.

Cứ xem những sự phát minh gần đây mà chúng tôi bác kể trên này thì chiến tranh đã không làm ngừng trệ cuộc tiến hóa của loài người mà còn khiến cho khoa học tiến bộ nhanh chóng hơn là khác. «Vi cần thiết mà nảy ra óc sáng chế», câu ngạn ngữ của tây phương áp dụng vào lúc này rất đáng.

NG-TU-LUYỄN

Vẻ đẹp của tranh Tàu qua các triều-đại

(Tiếp theo trang 10)

- a) Thần.
- b) Đất.
- c) Diêu.
- d) Năng.

Trái thế, Hoàng-hư-Phục tác giả sách *Ich-châu danh-hoa-lục* cho Thần xuống hạng dưới, Đất lên hạng trên, và liệt phẩm-hạng các tranh vẽ như sau:

- 1) Đất.
- 2) Thần.
- 3) Diêu.
- 4) Năng.

Hoàng nói về giá-trị của Đất phẩm đại ý như thế này:

Cải *Dật-cách* của tranh vẽ đất là khó được. Qui-cử vương trôn có thể nói là cơn vụng được. Mầu sắc có thể nói là chưa hòa hợp được tinh. Đến như nét ít mà hình đủ, thì tự nhiên mà nên, không thể theo mầu-mực nào được, ở ngoài ý mình, thế nên gọi là *Dật-cách* vậy.

Thuyết của Hoàng thời bấy giờ đặc thế. Vì hầu hết các bức họa đầy đủ tinh-vi của nhân-sĩ đời Tống đều khó coi. Trái lại các bức họa được coi là tào-kỳ là những bức nét bút lơ thơ coi như thiếu thốn mà cảnh vật đầy đủ.

Nghĩa là thời này về đẹp của tranh là về đất vậy.

THỜI NGUYỄN

Mấy họa-sĩ trứ danh thời Nguyễn đều nổi danh về những bức *dật-họa*. Nền thời này, về đẹp của tranh/cảnh là về đất như thời Tống.

THỜI MINH-THANH

Thời Minh chịu ảnh-hưởng

các họa-sĩ đời cuối Nguyên nên về đẹp vẫn là về đất.

Đến thời Thanh, về đất lại càng được tôn trọng hơn nữa.

Cứ nghe lời Huy-nam-Điền tác giả sách «*Ấu-hương quán họa bặt*» nói thì đủ thấy về đất trong tranh giá trị và khó khăn là nhường nào:

Dật-phẩm, ý khó nói cho rõ ràng ra, có thể nói như Lưu-Ngao chơi cỡi Thái-thanh, *Liệt-Tử* cưỡi ngọn gió lạnh vậy. Cảnh thì như cảnh Tam-Lư Đại-phu chơi trên Giang-dâm, nét bút nét mực thì như đường thương Lẽ-hoa của Triệu-tử-Long, đường kiếm của Công-tôn Đại-nương: Người ta chỉ thấy có hoa lê, và rồng lượn chứ không thấy người cũng thương và kiếm đâu.

... Nền biết nghìn cây muôn cây mà không nét bút nào là cây; nghìn núi muôn núi mà không nét nào là núi; nghìn nét bút muôn nét bút mà không nét bút nào là nét bút, chỗ có thì làm ra như là không, chỗ không thì làm ra như là có, thế gọi là đất.

Lời kết thúc

Tóm lại, vẻ đẹp của tranh Tàu khi thì là sự giống thật, khi thì là tự nhiên như thật, khi là Thần, khi là Đất không nhất định. Nhưng theo trên, ta nhận thấy tư tưởng có hai phong-cách thẳng thắn và cạnh tranh được với nhau là:

THẦN và ĐẤT

Chính thuyết Thần cách đã ảnh-hưởng đến làng nghệ-thuật nước ta rất sâu xa. Ngày nay

ta vẫn thường còn nói: thật là Thần hút, hoặc bút nhập-thần hoặc bức tranh này có tinh-thần, bức tranh kia có sinh-khí, hoặc có hồn...

Nhưng rút cục, từ thời Tống trở về sau, trải qua mấy thời Nguyên, Minh, Thanh cho tới ngày nay, thuyết *dật-cách* đắc thắng, chịu ảnh-hưởng của làng hội-họa Tàu, nay chúng ta chỉ còn biết thưởng-thức những bức tranh phết phơ phóng bút mấy nét đơn sơ mà hình-dung được đủ cả nhân vật cảnh chí, sơn thủy lầu đài, tức là những bức tranh đặt bút vậy.

Ngược ngược mấy nét mà thành con dê và ông Tô-Vũ trên cảnh đồng tuyết với cái gậy trúc ăn hiện có mấy cái chấm hình-dung những đốt tre, đó là một bức tranh đặt bút hợp với cách điệu của người Tàu ngày nay. Đó là một bức tranh đẹp vậy.

Người phương Tây cũng có lối vẽ *hoạt-bút* (Croquis) tức là lối vẽ chấm phá đơn sơ giản dị thuộc vào phạm-vi *dật-phẩm* của Tàu.

Dật hiện nay là tất cả về đẹp của tranh Tàu, nhưng biết đâu với thi-gian với cuộc tiến-bộ của mỹ-thuật Trung-hoa, sau này *Dật* chẳng sẽ bị ruồng-rẫy và phải nhường chỗ cho một phong-cách cũ hoặc mới nào khác, biết đâu?...

Lê-văn-HOÈ

Xuân Thpo

Xuân mới đến

Xuân mới đến! Hơi Xuân thơm hây-hây,
Thoảng đâu đây thắm đượm ở hân tôi.
Nâng tung-bưng đem lại tiếng chim vui,
Xuân mới đến, màu Xuân còn bỡ ngỡ...
Hoa tình-di đưa duyên chớm-chớm nở,
Thiếu-nữ đi, Xuân rún-rây trong lòng.
Má hây-hây nhưng dịu tựa cánh hồng,
Nghe Xuân đến rộn ràng thân-thể ấy.
Cả vũ-trụ toàn hương thơm mới dậy,
Hương mến yêu, hương thắm của trăm tình.

Vương-Linh

Đêm Nguyên-tiêu (1)

Khứ niên nguyên dạ thi
去年元夜時
Hoa thị đăng như trứ
花市燈如晝
Nguyệt thượng liễu sao đầu
月上柳梢頭
Nhân ước hoàng hôn hậu
人約黃昏後

Kim niên nguyên dạ thi
今年元夜時
Nguyệt dĩ đăng y cựu
月與燈依舊

Bất kiến khứ niên nhân
不見去年人
Lệ thấp xuân sam tុ
淚濕春衫袖

Âu-dương-Tu

DỊCH RA QUỐC-VĂN

Thượng-nguyên năm ngoái đêm nay.
Chợ hoa đèn tựa ban ngày sáng trưng.
Đầu cành liễu tỏa ánh giăng,
Sau hoàng-hôn ấy ai từng hẹn tu.

Thượng-nguyên đêm đẹp năm nay.
Giăng soi đèn chiếu sáng tày đêm xưa.
Vắng người năm ngoái gần bờ,
Ao xuân tay gặt lệ rơi ướt đầm.

Sở-Bảo

Chơi Xuân

Hồng thu thanh sơn nhật dục tà
紅樹青山日欲斜
Trường giao thảo sắc lục vô nha
長郊草色綠無涯
Du nhân bất quản xuân tương lão
遊人不管春將老
Lại vãng đình tiền đạp lạc hoa
來往亭前踏落花

Âu-dương-Tu

(1) Nguyên-tiêu là đêm thượng-nguyên, tức
đêm rằm tháng Giêng.

DỊCH RA QUỐC-VĂN

Cây đỗ non xanh bóng dè tà,
Cỏ phơ màu lục khắp đồng xa.
Khách du chẳng quản Xuân gần hết,
Hoa rụng sân đình dẫm bước qua.

Đêm Xuân nghe sáo thổi

Thầy gia ngọc địch ám phi thanh
誰家玉笛暗飛聲
Tán nhập đông phong mãn Lạc thành
散入東風滿洛城
Thử dạ khúc trung văn chiết liễu
此夜曲中聞折柳
Hà nhân bất khởi cố viên tình
何人不起故園情

Lý-Bạch

DỊCH RA QUỐC-VĂN

Nhà ai thổi sáo tiếng nghe rành,
Theo gió đông bay khắp Lạc thành.
Đêm ấy giọng theo bài chiết liễu (1),
Lòng quê người những rộn thâu canh.

Cảm Xuân

Ngũ thập niên gian vạn sự không
五十年間萬事空
Lăn-trương bạch phát đối thanh đồng
纔將白髮對青銅
Lười sẽ trắng tóc đối thanh đồng
懶將白髮對青銅
Cổ nhân chỉ hữu đào hoa tại
故人只有桃花在
Trừ trường vô tình nhất dạ phong
除 trường vô tình一夜風
Tuyệt vọng vô tình một đêm gió

Lạc Phóng-ông

(1) Chiết liễu là khúc hát tiễn biệt.

DỊCH RA QUỐC-VĂN

Năm chục năm giờ vạn sự không,
Lười đem tóc bạc đối hơi đồng.
Bạn xưa còn lại hoa đào nhĩ,
Ngán nỗi vô tình tận gió đông.

Sở-Bảo

Nhẫn ai

Trăm năm một giấc mộng dài,
Mà người trong mộng mấy ai biết dài.
Gió Xuân thổi lạnh tâm lòng,
Thương ai nên nhẫn mấy giòng nức nức.

Nàng chén rượu nồng riêng hồi bạn;
Biên di-tình sầu cạn những bao nhiêu?
Chiếc đò duyên chèo chống đã nhiều,
Cũng có lúc muốn xiêu theo sóng cả.
Tình hải thất phu đại nịch hạ,

情海失夫皆溺下
Mê tân khinh-phu các khuynh vong.
迷津輕婦各傾亡
Cuộc trăm năm mãi đánh lặn sông.
Rời sâu tử ai mong mà trả lệ!
Một mảnh liễu tình khi đứt ở,
Chiếc thân bồ-liễu lúc lặn sang.
Bóng bạch-câu chẳng được mấy gang,
Mà mệnh thể lại càng không kín càn.
Nhất thất cước thành thiên cổ hận,
一失脚成千古恨
Bán hồi đầu dĩ bách niên thân.
半回頭已百年身
Nhớ năm xưa: kẻ trung-trinh, người tiết-
liệt, khách siêu-nhân,
Xác tuy mất, tinh-thần còn sống mãi.
Giữa thế-cuộc kẻ khôn người dại,
Muốn hơn đời, nghĩ lại kéo ăn năn.
Chữ rằng: Tài-tử giai-nhân.

Hồ-Diệu

Khi-tượng-học của tiên-nhân ta

(Tiếp theo trang 7)

Gió đông ắt bệnh chẳng chỉ,
Mưa ngày mùng bốn gạo suy bằng tiền.
Mưa ngày mùng tám phong-niên,
Sấm ngày Giáp-ti, Canh-thìn, sáu keo.
Tháng Năm Đoan-ngọ mưa rào,
Sấm ngày Mang-hiện thấy hầu cũng no.
Hạ-chi mưa, lúa đầy bờ,
Gió phương tây bắc, hải lò hạn tại.
Tháng Sáu, Tam phục nắng nôi,
Ruộng nhiều lúa ít hạn tại khá phòng.
Tai thương mùa ấy chẳng không,
Thời tại Vũ-tuyệt ba đông chẳng hề.
Tháng Bảy, Lập-thu không mưa,
Vật nào vật ấy trời chia nửa phần.
Nhưng mà mưa quý phân-phân,
Mưa dầm thời lại mất ăn lúa mùa.
Ngày Xử-thử mà mưa to,
Cũng điềm mất mùa, lúa trở ra nan.
Khí trời tháng Tám, Thu-phân,
Mấy bạc lúa muộc được ăn hoan-hỷ.
Sấm chớp thời kém thương đi,
Thu-xã mưa thì tốt lúa sang năm.
Tháng Chín, mùng một sương dầm,
Ắt là thời-khí tại-xâm, bệnh nhiều.
Tháng ấy, nắng lắm cũng nao,
Sấm ran thời gạo giá cao bằng vàng.
Vì mà nắng ngày Trùng-dương,
Thế là điềm báo nắng khan đã đành.
Mưa ngày Trùng-dương thời lành,
No nê lúa gạo hồng canh thỏa lòng.

Tháng Mười, ngày Nhâm, Lập-đông,
Ruộng cao sâu nước, uống công cây bừa.
Năm ngày Nhâm còn vừa vừa,
Gặp ngày Nhâm-ti thời lo tên người.
Tháng Một mùng một giò dồi,
Thời sinh đạo tặc, lắm loại gian manh.
Tuyệt sương thời lắm ma-tinh,
Bằng ngày Đông-chi thiên tinh khá coi.
Trời lạnh mà không một trời,
Thái bình thiên-hạ nơi nơi bằng lòng.
Tháng Chạp mùng một gió đông,
Tai trong lục-sắc hải hùng xiết đầu!
Đại-tuyệt thời hạn năm sau,
Tinh-minh mới được phong-thu tốt lành.
Điềm trời ra trước rành rành,
Một năm khi vẫn xem lành đối no.
Lấy trong quan lịch mà so,
Biết thời, biết tiết, làm mùa, làm chiêm.
Mười hai tháng, mấy câu nôm,
Gia-truyền để lại nghìn năm lâu dài.

Đào trình Nhất

TRANH

khuyến khích sự cải-cách hương-thôn
của HỌA-SĨ MẠNH-QUỲNH

Họa-sĩ Mạnh-Quỳnh đã đem tặng sở
Tuyên-truyền, Báo-chi Bắc-kỳ 166 bức
 tranh to để khuyến-khích sự cải-cách
 hương-thôn ở xứ ta

Những tranh đó sẽ do phòng Tuyên-
truyền Bắc-kỳ gửi đi trưng bày dần dần
ở khắp các tỉnh.

Thật là một ý kiến rất hay và rất bổ ích
cho sự mở-mang dân-trí. Mong rằng những
cuộc trưng bày đó sẽ đem lại nhiều kết
quả tốt đẹp cho dân quê ta.

T. B. C. N.

SANG NĂM ẤT-DẬU...

(Tiếp theo trang 4)

Biết bao nhiêu kho tàng quý báu về văn-
hóa và mỹ-thuật chứa chất từ mấy mươi thế-
kỷ nay đều đã bị thần Chiến-tranh phá tan
trong mấy năm. Tất cả những sự tàn phá đó,
sau cuộc chiến-tranh, chưa biết bao giờ mới
xây dựng xong. Sự xây dựng đó sẽ dùng được
một phần lớn nhân-công hiện nay làm việc
về chiến-tranh hoặc ở quân đội hoặc trong
các nhà máy.

Sang năm Ất-dậu chiến-tranh
đã kết-thiệu chưa?

Đó là một câu hỏi mà chắc hẳn trong khi
bước sang năm mới này ta cũng nghĩ tới và
muốn biết câu trả lời. Ngay các nhà cầm
quyền cả nước tham chiến cũng không dám
quyết đoán bao giờ chiến-tranh sẽ kết liễu.
Thủ-tướng Churchill nước Anh đã có lần
tuyên bố rằng chiến-tranh ở Âu-châu có thể
mong kết liễu vào mùa hè 1945 và sau khi
việc Âu-châu xong thì ít ra còn phải mười
tám tháng hoặc hai năm chiến-tranh ở Đông-
Á và Thái-bình-dương mới có thể yên được.
Lời dự đoán đó hình như chỉ để làm yên
lòng dân chúng Anh, Mỹ. Lo rằng dân chúng
quá tin vào lời tuyên-bố đó, cả Thủ-tướng
Anh và Tổng-hống Mỹ - vừa được tin cứ
lần thứ tư - đã phải luôn luôn nhắc lại rằng
quốc-dân không nên quá lạc quan về tình-
hình chiến-tranh. Tuy vậy nay giữ phần
thắng lợi, các nước đồng-minh Anh, Mỹ,
Nga vẫn hiểu rằng trên đường đến kinh-
thanh Bá-linh hãy còn nhiều sự cản trở lớn
lao muốn vượt qua được quân đồng-minh
còn phải tốn bao nhiêu xương máu. Càng
tiến gần vào đất Đức, cuộc kháng-chiến của
quân quốc-xã càng mãnh-liệt thêm. Mỗi tấc
đất, mỗi khu nhà cửa đều phải đổi bằng một
giá rất đắt. Quân Đức chỉ chịu lùi sau khi
của tổ-quốc đến nỗi trên con đường tàn-công
của quân địch, mỗi bước tiến lên là một
bước máu. Quân Đức chỉ chịu lui sau khi
đã kháng chiến đến cùng nghĩa là đã hi-sinh
người lính cuối cùng và đã bắn viên đạn
cuối cùng. Hình như quân đội quốc-xã đã

theo khẩu-hiệu: « Quân địch phải đạp lên
thây ta mới có thể tiến lên được ». Những
trận Cherbourg, Brest, Saint Nazaire trên đất
Pháp đã tỏ rõ cho thế-giới biết lòng quyết-
chiến và cùng hàng hải và can đảm của toàn
thể quốc-dân Đức trước cuộc xâm lăng của
bên địch. Tuy hiện nay một mình Đức ở Âu-
châu phải đương đầu với hết cả các nước
đồng-minh mà Đức vẫn đông xung tây đột,
đồng thời đánh cả máy mật như một con mồi
hồ đang gài ghề chống với một bọn người có
khí-giới tại đang dăm xía mình ở tứ-phía.

Trong cuộc chiến-tranh từ mấy tháng nay
lại có nhiều sự bất ngờ ghê gớm có thể làm
xoay chuyển chiến-cục một cách đột ngột.
Chúng tôi muốn nói đến các thứ khí-giới bị
mật rất mạnh của Đức như các chiến cụ hạng
« V », những chiến-xa « hổ kình » (super tiger)
và các cuộc phản công về quân sự và ngoại
giáo của Đức. Đối với những cái bất ngờ đó
bên địch không sao dự bị trước được, vì thế
mà cuộc chiến-tranh có thể kéo dài thêm ra.
Bộ tư-lệnh đồng-minh chỉ có thể dự tính
được thời hạn một cuộc chiến-tranh với
những phương pháp thường dùng, nghĩa là
không có những cái bất ngờ rồi trên.

Như thế, lời dự đoán của thủ-tướng Chur-
chill, người cầm vận-nhệ nước Anh, ta
không thể nào tin là đúng hẳn, nhưng điều ta
có thể chắc được là cuộc chiến-tranh trong
năm thứ 6 này sẽ vô cùng kịch-liệt, kịch-liệt
hơn lúc nào hết. Cả 2 phe Đồng-minh và Trục
sẽ đem hết tài-trí và dùng hết năng-lực còn
lại để đánh một trận cuối cùng trước khi
đi đến đoạn chót trong cuộc chiến-tranh này.

Đứng trước bao nhiêu sự khó khăn do
chiến-tranh gây ra, trong thời-kỳ 65 tháng
vừa qua, Đồng-dương đã có thể theo đuổi đời
sống và cuộc tiến-bộ một cách gần như bình-
thường. Vì những trường hợp gây nên bởi
chiến-tranh càng kéo dài và lan rộng thêm
mà xứ này phải theo một chính-sách mới về
kinh-tế, đó là chính-sách tiết-kiệm. Đã đến
lúc chúng ta phải hạn chế đời sống hết sức
để có thể vượt qua được lúc khó-khăn này.

Hồng-Lam

Đương lúc hàng laine khan
ta chẳng lo gì đã có sợi

«TRICOTEX»

mềm ấm nhẹ bền
Distributeur

HÀNG-HỢP - 108bis Hàng Trống, HANOI

ÔM CỘT CHÉM LỘN, ĐỐT PHÁO

Không cách xa phủ lý Từ-sơn, gần ngay rừng Sát là làng Đồng-kỵ. Làng này có tục ôm cột đêm giao-thừa, giết lợn ngày mồng một và đốt pháo, những chiếc pháo to bằng đầu may xe hóa một, tựa mồng bốn Tết.

Làng Đồng-kỵ, tổng Nghĩa-lập, thuộc phủ Từ là một làng rất trù phú, dân cư tất cả rước dịp nhàn rỗi người, ruộng công tư chừng bốn, năm trăm mẫu.

Dân trong làng, ngoài nghề canh-nông còn buôn bán, người đôi quang đón gánh, kẻ cái bào, cái đục nên ai nấy đều mát mặt cả.

Nhà người nhiều, sân gạch lấm, đường cái toàn lát, sạch sẽ, dẽ coi.

Ba tục lạ mà đến nay
làng Đồng-kỵ và
làng Niêm-thượng
vẫn còn tờ-chức
mỗi Tết, từ đêm
giao-thừa cho đến
mồng 6 tháng Giêng

Trước cửa đình làng có chợ họp ngày một ngày sáu. Chua do sự ông trông nom ở ngay sát bên phải.



Vực Dê chảy hiền đầy,
nước đục ngầu.

Cổ nhân đã có câu:
Vật giao Phú-lưu hiền,
Vật thù Đình-bàng thế.
Vật âm Đông-kỵ thù.
Vật thực Cầm-giăng kẻ.
Qua không sai!

Ao chuôm trong làng ít cái rổ cầu; người ta múc nước bằng gầu gi y như gầu tát nước.

Sự-tích ông Thần làng và
nguyên-ủy các tục-lệ
kể trên

Theo lời các cụ kể lại cho nghe, chúng tôi được biết rằng vị Thành-hoàng làng này được sắc phong là Thiên-Giung-Đế.

Phải hundert năm rày từ đời Hùng-Vương, ngài là một võ-tướng đã có công tiểu giặc Nịch Quỷ (?) nguyên quán ngài ở làng này.

Sau khi ca khúc khải-hoàn về kể-chợ thì được tin đức thần - mẫu ngài niệm-một, ngài vội vàng cáo quan về thụ tang.

Cùng khi ấy thì quân Ân sang tàn phá nước ta. Ngài lại lập tức trở về kinh thành quyết trị đến ơn nước một lần nữa. Nhưng chạm rồi. Đức Thánh Gióng, đã phụng mệnh quân-vương, lên ngựa sắt

cầm thiết-côn tung hoành nơi chiến trận, giết quân tham tàn như vào chỗ không người.

Ngài dành mạng bản, không thi thổ tài năng được, và phải chăng, bản ấy còn in toai trong cốt tủy và ghi đến tận ngày nay, cho nên, hiện giờ mỗi khi được trục phong dân làng đi rước sắc, nếu gặp người thông, thì hai bên thế nào cũng sinh sự to ùn ùn!

Tranh cột Thái Bạch

Ngày 30 tháng Chạp năm ấy, nhà được lệnh đem lính tiểu giáp, với vàng, tiền, lương sĩ dưới cờ, đến tương-tại đình làng.

Thăm ngàn con tở nào nước, ai lấy đến vườn giương cờ, đem võ-mạng, quả đê quý kia về mình cũng vì muốn, một lần cho thấy tung hoành của một vị công-giáo, một vị tướng võ, một vị anh hùng. Ngày nay, đêm 30 Tết, từ quảng pháo-tên cho đến 6 giờ sáng, ngày mồng một, làng Đồng-kỵ có tục tranh cột Thái-Bạch rồi ông ghi chép mà chúng tôi xin kể lại dưới đây.

Làng chia làm bốn giáp (Tiền, Hậu, Đông, Đoài). Hợp việc làng các giáp sẽ bàn luận cùng nhau nên mọi sự đều an toàn tại thời, nhưng bằng cơn hai giáp trước giáp nhau thì sẽ phải dùng đến càn-cuối cùng là tranh cột Thái-Bạch đến nơi chiếc cột thần ở trong đình).

Hai giáp này, mỗi giáp sẽ cử ra một cụ già nhất, đang tồn trọng nhất. Hai cụ, no quần sạch sẽ, mũ ni, quần chổi đỏ, áo lụa bông, lần lượt vào lễ thần, đôi đèn dung giao thừa thì bắt đầu vào cuộc. Hai giáp dùng hai bên hò reo, nhưng lời khuyến khích nổi lên, khiến cho hai cụ, dẫu tuổi đã cao, nhưng vẫn giăng sức, cò sao cho phần thắng về phe mình, không quân nhọc nhằn nguy hiểm.

Có một cái cột, cụ neo cũng muốn ôm lấy, nhưng cụ này vừa giữ được thì cụ kia đã sẵn tay áo mạnh bạo lôi ra. Trước còn lôi, sau đến vật nhau... và cứ thế mãi cho tới quãng sáu giờ sáng, không ai chịu thua đành để cho quan viên làng định đoạt.

Các bạn thử tưởng tượng cái cảnh ấy đã diễn ra trước mắt bạn và thử ngắm lại xem đáng cảm kích ngần nào.



Ngày mồng một, ngày giết lợn khao quân sĩ, vậy nên ngày giờ, cũng ngày ấy, đến làng có tục đốt pháo để kỷ niệm.

Ngày mồng 4, quân hai bên giao

tranh kịch liệt, vậy nên ngày nay có tục đốt pháo để tưởng nhớ đến thời oanh-liệt của người xưa.

Đốt pháo to bằng đầu may xe-hỏa

Tha vào những tiếng súng nổ liên hồi, thảy ào những tiếng hò quân reo ho rập ì, tay vào những tiếng hô sang rừng, ngày nay, quãng giờ mùng, giữa sân đình, những tiếng pháo kêu đi đùng, tiếng là hò như nhữ. Thật là tung bừng! Thật là náo nhiệt!

Các đây ít lâu, hồi chiến tranh chưa bùng nổ, vì liệu làm pháo còn mua được một cách dễ dàng, trong làng có những người làm nhữn quả pháo dài tới 16 thước (4 thước tây), ba bốn thước (quãng một thước rưỡi tây), ghĩa là to bằng độ nửa toa xe điện bay bằng xích đầu máy xe hỏa bảy giờ để đem dâng cúng.

Có những hạng pháo như pháo đựng thì không biết bao nhiêu mà kể, vật qua tường đình nhà tám mái, qua cành cây, thông lọng xuốn sân, đốt lên phải mất hàng giờ mới hết!

Sau khi đốt pháo có mưa hoa. Nhưng mưa hoa đây không phải là các cô đầu cầm hoa múa như ta thường thấy đâu.

Một lần nữa, cũng trong sân đình này, ta còn thấy ý nghĩa của ngày hội Đồng-kỵ là đáng quý.

« Sức khỏe tối cần và những thân hình rắn chắc rất đáng yêu ».

Trải từng giáp một, mình trần, đóng khố đỏ, kiệu lên vai ông Đám giáp mình cũng lóa loẹt và tươi sáng hẳn lên trong bộ đồ đồng, thắm bằng chôi, dải hay lụa.

Giữa những trống, chiêng, hòa lẫn với những tiếng reo hò của khán giả, người ta kiệu bốn cụ đi quanh sân ba vòng rồi đặt các cụ vào chiếc chiếu cặp diêm giữa đình, đợi các cụ gập thềm, cầu khấn đức Thượng-đấng xem ngài ban ân cho giáp nào nhất, nhì, ba, tư.

Xong đầu đầy có vật: những bắp th nôi lên! những đường gân rắn rã!

Ngày mồng 6 có tục tế bánh dày để tổng nhớ quân sĩ ăn uống thời xưa.

Lễ làng, các cụ nào — cả các cụ bà — làm mười hai tuổi trở lên, thì được dâng lễ thành. Mỗi cụ hôm ấy mang ra đình, hầu to, nghèo nhỏ, nhưng nhất định: năm ông (hoặc nĩa, mâm, sàng) bánh dày; mười quả cam ngọt; mười đoạn mía dài, một cô gà béo vàng ệnh.

Cúng xong, lễ vật sẽ chia đều cho các an làng.

Làng mở hội mãi tới 16 tháng Giêng, nhưng từ mồng mười trở đi, toàn sủa sái gặt trong sân ngày có tới hai ba trăm con.

Một ngày hội của các ông đeo kính râm

Làng Chục thuộc huyện Yên-phong, thờ tổ sư thầy bói, nên ngày 9 tháng Giêng, các đệ tử của Quý-cốc tiên sinh, từ các nơi, đến cổ công chống gậy, lần mò về đây làm lễ bái yết.

Các bạn thân mến! cái cách nộp việc làng của các ông đeo kính này diễn ra trước mắt ta chẳng khác cho chúng ta rõ đạo thầy trò là nặng lắm đó!

Giết lợn, đúng nước mắt, cúng thần

Làng Niêm-thượng, tổng Khắc-niêm, huyện

Võ-giang, thờ ông Lý - Công, nguyên quán ở làng Châm-khê, cung nuyên, xưa làm nghề đi ăn cướp, cũng có tục giết lợn dâng lễ chúng ta chú ý.

Người ta kể lại rằng một hôm Lý Công bị nhân dân đuổi đánh ráo riết, chạy đến núi Ngê gần Niêm-thượng.

Đang lúc đói lòng, may sao, có một con lợn lớn tự trong bụi rậm chạy qua. Chàng, sẵn dao dài, bèn chặt một nhát ngang mình lợn. lột bì ăn, không nấu nướng.

Đề kỷ-niệm ngày ấy, quãng giờ Ngọ, mồng sáu tháng giêng, làng vẫn có tục chém lợn, lột bì dâng tế.

Một nghệ-thuật

Làng có hai giáp, mỗi giáp sẽ được phép chém một con lợn cúng.

Lợn tế này nuôi từ dạo tháng bảy, tháng tám ta. Chuồng phải thật sạch sẽ, không lúc nào để bẩn, trước ngày tế độ một tháng người ta cho lợn ăn cháo.



Đêm mồng 5, sau khi đã ăn uống no say cả rồi, mỗi giáp cử ra ba bàn (nhì, ba, tư, mười hai người) đi bắt lợn

Bắt lợn đây không nghĩa là đem thừng trao vào chói gô lợn lại! Phải khéo léo lừa rồi rước vào cũi, ngoài cũi phải nhiều điều rồi rước ông ra giữa nhà để châu vào bàn thờ đã thiết lập sẵn.

Mười hai quan viên hàng giáp, một lần nữa, lại ngồi vào chiếu rượu chay, chén khước cho đến trưa mồng sáu mới bắt đầu chém lợn.

Một người lực-lưỡng nhất, sau khi lễ tạ ông thành-hoàng lang, cầm chiếc dao dài (làng có hai con cho hai giáp, cả năm lễ thờ trong cung (âm). sủa lợn thì đầu ra ngoài cũi, hoa lên một cái, hạ xuống thì đầu lên cùng hai càng trước cùng rồi khỏi thân. Phải chém làm sao cho không chạm vào lồng, y như Lý Công thuở xưa.

Chém xong đem lột da, dùng vào được măm đã đun sôi, đem dâng cúng. Ông thần làng này, hồi sinh thời, có một người yêu là bà chúa làng Dương ở, tục gọi là làng Ổ, và cũng vì vậy, đến nay, hai làng còn giao hiếu với nhau rất thân mật.

Đêm mồng 5, quãng tam chín giờ tối, làng nay còn có tục thổi sáo rất thú vị nữa. Hai giáp cùng thổi (thổi ngay giữa đình) giáp vac song trước thì ra lệnh tắt hết cả đèn đóm trong đình đi, rồi một người đội nông sáo tảo sau may người khác vac đuốc chạy quanh đình, ngụ ý báo cho ai nấy đều biết giáp mình đã chấm giải. Nhưng, cũng trong lúc tối tăm ấy, gái trai đứng xem tha hồ làm trò sáng dạ. Hên gì, đêm nay, đường về làng Thượng, chặt ních những gai, nhất là trai loi-lả.

N. T. V. L.

Authorisé publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941

Edition hebdomadaire du Trung-Bắc Tân-Văn

Imprime chez Trung-Bắc Tân-Văn

36, Boulevard Henri - Hanoi

Tirage 1.000 exemplaires

Certifié exact l'insertion

L'ADMINISTRATEUR DÉPARTEMENTAL DU TRUNG-BẮC TÂN VĂN

Một xuất bản:

KINH DỊCH

Một bộ sách cổ nhất Đông Phương là nhất nhân-loại

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giá y thường 30p00

Giá Đò (hộp lụa) 75p00

Giá: Bạch minh châu (hộp gấm 200p.00 (hộp)

Thêm cước gửi 5p00

Thư và ngân phiếu gửi về:

NHÀ IN MẠI-LINH HANOI

HAI CUỐN SÁCH ĐỌC TIẾT

của THANH NIÊN

I) Văn Chương Truyện Kiều

Phiên bản của NGUYỄN-BÁCH-KHOA

Văn Chương Truyện Kiều có cốt truyện hợp với tâm-hồn người VIỆT-NAM không?

II) Y XUÂN

Tư-tưởng của P. N. KHUÊ

Một ý xuân gửi đến các bạn trẻ yêu đời lạc-quan, hy vọng ở tương-lai. Sách in đẹp trên giấy trắng đặc-biệt. —Bìa của họa sĩ PHẠM-TU — Kèm hai phụ-bản của PHẠM-TU và NGUYỄN-ĐO-NG

— HÀN - THUYỀN —

N° 71, TIÊN-SINH — HANOI

CÁC NGÀI NÊN DÙNG:

Dầu Hôi Sinh

Trị chứng cảm sốt, nhức đầu, đau mình, vừa xoa vừa uống (theo hướng dẫn). Có 2 loại như sau

NHÀ THUỐC THÁI-CỎ

52, HÀNG BẠC — HANOI

22 tháng chạp ta có bán :

XUÂN ĐẦU

Tập văn - thơ đầu xuân Ấ - Dậu của GƯỜI BỐN PHƯƠNG

Gồm những văn - phẩm của :

NGUYỄN - VĂN - BÔNG — NGUYỄN - HỒNG — TẾ -
HANH — NGUYỄN - KHẮC - MỸ — VĂN - HOA — TÂN -
ĐÀ — N. K. PHÚC — TỔ - GIANG — PHƯƠNG - TRẦN —
LƯU - QUANG - THUẬN — PHAN - QUANG - BÌNH v. v...

Dầy ngót 80 trang, in công-phân trên giấy trắng
quý khổ 21 x 26.

Họa mẫu, minh-họa của MẠNH - QUỲNH kèm 2
bức họa mẫu của PHAN - QUANG - BÌNH và 1 bức
phụ-biểu khổ 26 x 42 trên giấy Bạch-y do họa-sĩ
MẠNH - QUỲNH vẽ, khắc và in lấy.

Giá ở Bắc-kỳ 3p 50

Ở ngoài Bắc-kỳ 5p 50

(cả phụ-biểu và 2 bức họa mẫu)

5 bản đặc-biệt giấy thượng hạng có chữ ký các
tác-giả.

Giá mỗi bản. 50p.00

ĐỌC XUÂN ĐẦU :

Mua vui trong ngày xuân thắm
tươi với niềm tin-tưởng vào sự
sống.

— Theo rồi được bước đi của VÂN-
CHƯƠNG TƯ-TƯỜNG và NGHỆ-
THUẬT VIỆT-NAM;

600 Bức phụ biểu nghệ thuật của họa sĩ MẠNH-
QUỲNH in riêng trên giấy Hoàng-y.

200 bức gửi số, riêng riêng các tác-giả.

400 bức dành riêng cho các bạn chương mỹ thuật
viết thư vẽ và a trước.

Giá mỗi bức 4p.00 — cước 8p 4.

Đại-lý Trung - Nam sẽ nhận được sách bán
trước ngày 22 tháng chạp ta.

Để-gia mua là xin gửi mandat và trước thêm
cước 8p.30 — Không bán Huân-hóa giao ngân

Thư từ ngân-phếu gửi về : ÔNG GIÁM-ĐỐC nhà xuất-bản NGƯỜI BỐN PHƯƠNG
N. 6, PHỐ ĐƯỜNG THANH — GIẤY NÓI SỐ : 212 — HANOI

LION và MICANOH

xì-gà thơm nhẹ có tiếng
BÁN BUÔN TẠI : FACIC, -- 268, PHỐ HUẾ — HANOI

Mới có bán :

Tiền Bạc

(khảo-cứu về vấn-đề tiền-tệ)

của PHẠM-VĂN-HÙM — Giá : 7p 50

Quyển sách để mở đầu cho Tủ sách xã hội Tân-Việt

Sắp có bán :

Đại Việt Sử ký Toàn Thư

của NGÔ-SĨ-LIÊN và các sử thần đời Lê
Bản dịch của MẠC-BẢO-THẦN

TÂN-VIỆT — 29, Lamblot, Hanoi

Đã có bán :

Lam Sơn Thực Lục

của NGUYỄN-TRÃI do BẢO-THẦN dịch — Giá : 6p.00

Thôi Thục Ký Văn

của TRƯƠNG-QUỐC-DUNG

NGUYỄN ĐỒNG CHÍ dịch — Giá 7p.50

Những Kề Lang Thang

của MAXIME GORKI — HỒU-DUY dịch — Giá : 6p.00

Triệt Học Nhập Môn

của NGUYỄN ANH-NHĨA — Giá : 5p.80